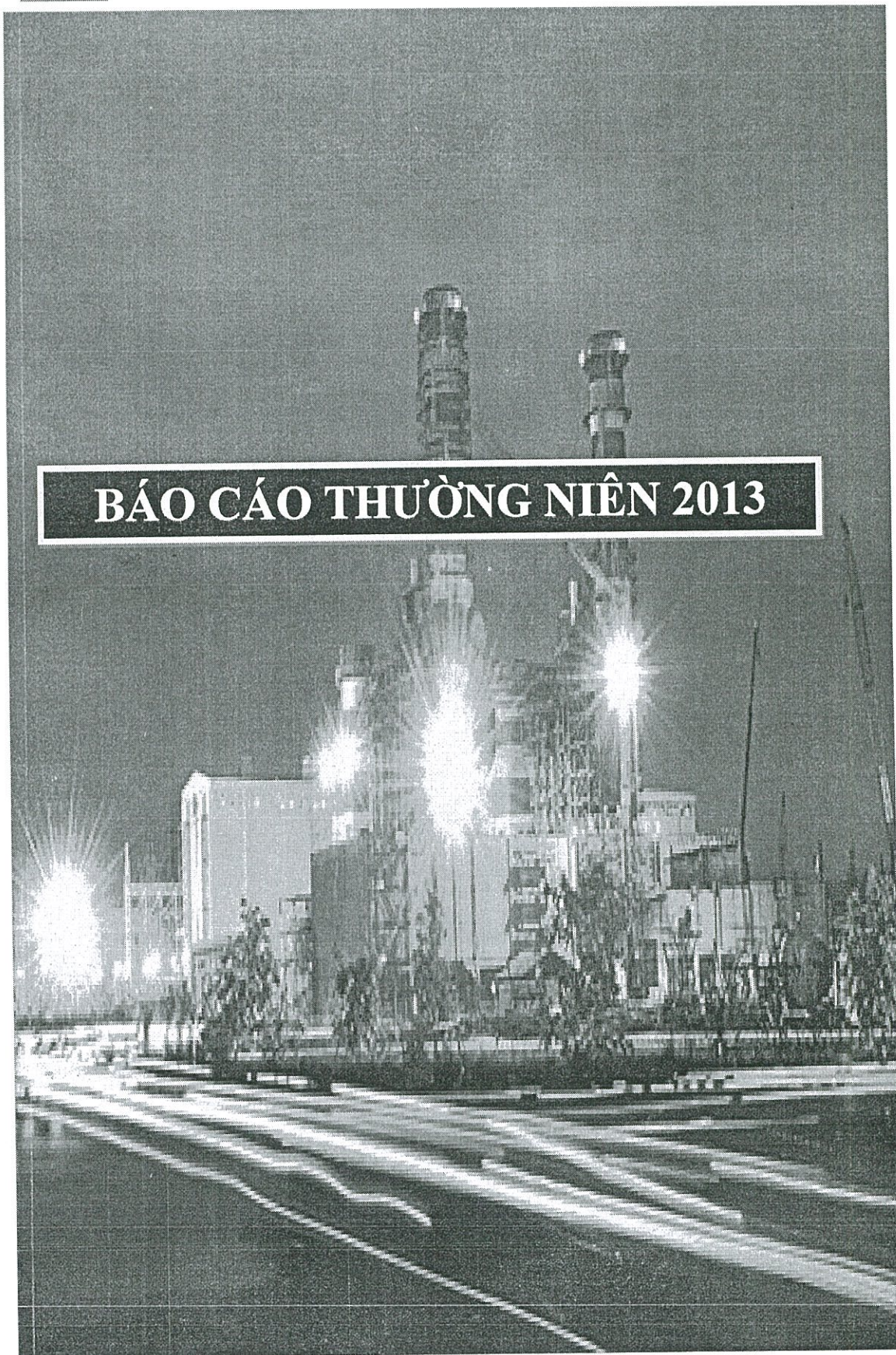




CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013





CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát:

- Tên Doanh nghiệp: **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**
- Tên tiếng Anh: PetroVietnam Power Services JSC.
- Tên viết tắt: PVPS
- Địa chỉ giao dịch: Tầng 7, tòa nhà HH3, khu đô thị Mỹ Đình, Mễ Trì, Từ Liêm, Hà nội.
- Điện thoại: (84-4) 3 7878186 FAX: (84-4) 3 7878185
- Website: www.pvps.vn
- Giấy đăng ký kinh doanh số: **0102560459**, do Sở KH&ĐT Tp. Hà nội cấp sửa đổi lần 6 ngày 02/10/2012 (chuyển đổi từ số 0103021005 cấp lần đầu ngày 27/11/2007).
- Vốn Điều lệ: **150.000.000.000 đ (Một trăm năm mươi tỷ đồng./.)**
- Mã chứng khoán: **PPS**

2. Quá trình hình thành và phát triển:

2.1. Thành lập:

Trước những yêu cầu thực tế khách quan, với mục tiêu chuyên môn hóa công tác dịch vụ kỹ thuật thực hiện các nhiệm vụ bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa và vận hành các nhà máy điện trong và ngoài ngành Dầu khí, Tập Đoàn Dầu khí Việt Nam và Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam xác định cần có một đơn vị chuyên nghiệp của ngành Dầu khí đảm nhận nhiệm vụ này.

Ngày 16/7/2007, Hội đồng thành viên Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV-Power) đã họp và thông qua Đề cương thành lập mới một số Công ty cổ phần trong đó có phương án thành lập Công ty cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam. Ngày 27/11/2007, Công ty cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà nội cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103021005 với số vốn Điều lệ là: **150.000.000.000 đồng (Một trăm năm mươi tỷ đồng./.)**.

2.2. Niêm yết:

- Ngày 28/12/2010, Công ty cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký chứng khoán số 305/2010/GCNCP-VSD chính thức chấp thuận hoạt động lưu ký chứng khoán niêm yết trên sàn giao dịch HNX.



CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

- Ngày 07/1/2011, chứng khoán Công ty cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam với mã giao dịch PPS chính thức chào sàn HNX với khối lượng trên 100.000 giao dịch thành công.

3. Ngành nghề kinh doanh – Địa bàn hoạt động:

3.1. Ngành nghề kinh doanh:

- Lắp đặt hệ thống điện (Lắp đặt thiết bị điện các Nhà máy điện, Trạm biến áp và các dây chuyển công nghệ công nghiệp có cấp điện áp đến 500KV);
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp. Lắp đặt hiệu chỉnh đưa vào vận hành, bảo trì và nâng cấp các hệ thống thông tin viễn thông, hệ thống điều khiển phân tán và các hệ thống khác trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin;
- Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác. Tư vấn chuyên ngành kỹ thuật điện cho quản lý xây dựng hệ thống điện – điện tử và tự động hóa cho các nhà máy điện, trạm biến áp và các dây chuyển công nghệ công nghiệp có cấp điện áp đến 500KV, công suất đến 4.000 MW;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (thi nghiệm hiệu chỉnh đưa vào vận hành, thi nghiệm hiệu chỉnh định kỳ, duy tu bảo dưỡng định kỳ và xử lý sự cố bất thường các Nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp, các dây chuyển công nghệ công nghiệp có cấp điện áp đến 500KV và công suất đến 4.000 MW;
- Dịch vụ vận hành nhà máy điện;
- Dịch vụ kỹ thuật: bảo trì, bảo dưỡng, đại tu sửa chữa nhà máy điện bao gồm phần thiết bị nhà máy chính và các phần có liên quan;
- Kinh doanh vật tư thiết bị máy móc và hệ thống thiết bị dây chuyền đồng bộ phục vụ cho ngành điện, thông tin viễn thông và các ngành công nghiệp khác;
- Tư vấn thiết kế biên dịch, biên soạn tài liệu các giải pháp kỹ thuật nâng cao hiệu suất nhà máy điện, các giải pháp tiết kiệm năng lượng, năng lượng mới, năng lượng tái tạo và cả hệ thống thiết bị công nghiệp (không bao gồm thiết kế công trình);
- Đào tạo cung cấp nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa và chuyển giao công nghệ các nhà máy điện và công nghiệp (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Thi công lắp trạm biến áp, đường dây truyền tải và hệ thống điện, hệ thống đo lường điều khiển tự động, hệ thống thông tin viễn thông và hệ thống cung cấp và xử lý nước cho công trình công nghiệp và dân dụng;
- Thi công xây lắp các công trình công nghiệp;



CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

- *Đầu tư sản xuất thiết bị điện, phụ tùng vật tư cho ngành điện dầu khí và các ngành công nghiệp khác;*
- *Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;*
- *Đại lý kinh doanh dịch vụ viễn thông;*
- *Cung cấp giải pháp lắp đặt tích hợp các hệ thống viễn thông và công nghệ thông tin.*

3.2. Địa bàn hoạt động:

Nhằm tiếp cận thị trường và đặt nền móng cho việc thiết lập các đơn vị sản xuất trực tiếp tại khu vực phía Nam, ngày 28/8/2008, Công ty cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt nam (PVPS) đã thành lập Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh để thay mặt PVPS từng bước triển khai các hoạt động dịch vụ kỹ thuật tại các khu công nghiệp, các đơn vị trong và ngoài ngành; nắm bắt, nghiên cứu thị trường, tổ chức, giải quyết các vấn đề phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh của PVPS tại khu vực phía Nam.

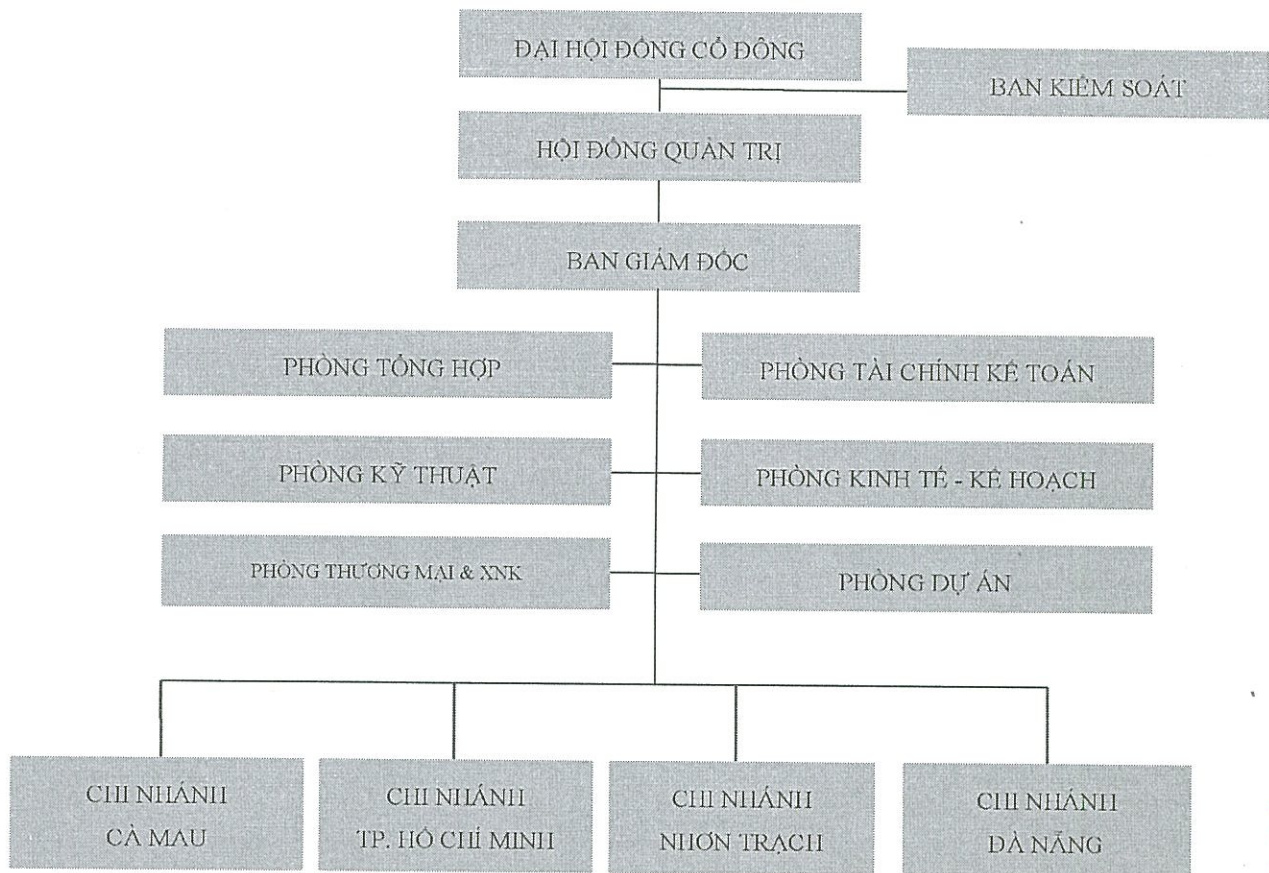
Ngày 03/8/2009, PVPS tiếp tục thành lập hai Chi nhánh Nhơn Trạch và Cà Mau, bước đầu thiết lập các đơn vị sản xuất trực tiếp phục vụ công tác sửa chữa, bảo trì tại Nhà máy điện Nhơn Trạch và Nhà máy điện Cà Mau.

Đến nay, 3 Chi nhánh của Công ty đã đi vào hoạt động ổn định, khẳng định năng lực thực hiện công tác bảo trì, bảo dưỡng và sửa chữa tại các Nhà máy.

Năm 2011, xuất phát từ nhu cầu thực tế cần nâng cao chất lượng dịch vụ tự thực hiện đồng thời hướng tới khả năng cung cấp các dịch vụ kỹ thuật phục vụ cho lĩnh vực sản xuất, cung cấp điện trong và ngoài Ngành Dầu khí, Ban quản lý, điều hành PVPS nhận thấy cần thiết phải thiết lập một đơn vị chuyên ngành điện lực và tự động hóa điện lực. Vì vậy, ngày 28/11/2011, HĐQT PVPS ban hành Quyết định số 92/QĐ – HĐQT về việc thành lập Chi nhánh PVPS tại Đà Nẵng – Trung tâm thí nghiệm điện với chức năng:

- *Tư vấn, giám sát, đào tạo; lắp đặt thí nghiệm hiệu chỉnh đưa vào vận hành các nhà máy điện, trạm biến áp, các dây chuyền công nghiệp và tự động hóa;*
- *Bảo dưỡng và thí nghiệm hiệu chỉnh định kỳ các nhà máy điện, trạm biến áp và các dây chuyền công nghệ công nghiệp và tự động hóa liên quan trong và ngoài ngành Điện.*

4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:



4.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty thực hiện quyền và nhiệm vụ thông qua định hướng phát triển, quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, tăng (giảm) vốn Điều lệ, phân chia lợi nhuận, cổ tức; quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm HĐQT, Ban kiểm soát; và quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty và các quyền, nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

4.2. Hội đồng quản trị

HĐQT là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 01(một) Chủ tịch HĐQT, và 04 (bốn) thành viên với nhiệm kỳ là 5 (năm) năm. HĐQT nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT có trách nhiệm giám sát hoạt động của Ban Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong Công ty. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Pháp luật và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định.

TÀI LIỆU



4.3. Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát là tổ chức giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh; trong ghi chép sổ sách kế toán và tài chính của Công ty nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp của các cổ đông. Ban kiểm soát gồm 3 (ba) thành viên với nhiệm kỳ là 05 năm do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.

4.4. Ban Giám đốc

Ban Giám đốc của Công ty hiện nay bao gồm: 01 Giám đốc và 04 Phó Giám đốc. Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, là người chịu trách nhiệm chính và duy nhất trước HĐQT về tất cả các hoạt động kinh doanh của Công ty. Phó Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm theo đề xuất của Giám đốc.

4.5. Khối điều hành:

4.5.1. Phòng Kinh tế - Kế hoạch

Là bộ phận tham mưu giúp việc cho Giám đốc về công tác kế hoạch đầu tư, kế hoạch sản xuất kinh doanh; xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị cơ điện; hợp đồng kinh tế trong và ngoài nước;

4.5.2. Phòng Tổng hợp:

Phòng Tổng hợp là bộ phận tham mưu chuyên môn trực thuộc Giám đốc. Chịu trách nhiệm trước Giám đốc về: Công tác tổ chức nhân sự, đào tạo, tuyển dụng cán bộ; Công tác lương, thưởng, chế độ, chính sách; Công tác văn thư văn phòng, quản trị hành chính, lễ tân, lái xe, bảo vệ; công tác đối ngoại của Công ty.

4.5.3. Phòng Tài chính – Kế toán:

Tham mưu cho Giám đốc, Hội đồng quản trị về lĩnh vực Tài chính Kế toán trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, bao gồm:

- Đề xuất các hình thức và giải pháp cần thiết nhằm thu hút, tạo lập và sử dụng hợp lý các nguồn tài chính, các quỹ tiền tệ phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả cao nhất.
- Giúp Hội đồng quản trị và Giám đốc công ty trong việc chấp hành các quy định về tài chính, tín dụng, chế độ kế toán của Nhà nước cũng như của Công ty.
- Bảo đảm đáp ứng đủ vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty theo các quy định về quản lý kinh tế của Nhà nước và Quy chế tài chính của Công ty.
- Giúp Giám đốc và Hội đồng quản trị kiểm soát bằng đồng tiền các hoạt động kinh tế trong Công ty theo các quy định về quản lý kinh tế của Nhà nước và của Công ty.



CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

- Kiểm soát hoạt động tài chính của các đơn vị trực thuộc Công ty theo đúng quy định của Nhà nước và phân cấp quản lý của Công ty.

4.5.4. Phòng Kỹ Thuật:

Tham mưu giúp Ban Giám đốc chỉ đạo, quản lý các công tác, bao gồm:

- Công tác quản lý kỹ thuật của Công ty.
- Kỹ thuật an toàn, bảo hộ lao động, phòng chống cháy nổ, phòng chống lụt bão và bảo vệ môi trường.
- Công tác sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.
- Áp dụng khoa học, công nghệ, tiêu chuẩn hoá, công nghệ thông tin, viễn thông và hệ thống quản lý chất lượng vào quản lý, sản xuất.
- Đào tạo phát triển nguồn nhân lực phần chuyên môn kỹ thuật.

4.5.5. Phòng quản lý dự án

Phòng Dự án Công ty là Phòng chức năng tham mưu giúp việc cho HĐQT và Giám đốc Công ty chỉ đạo công tác xây dựng, quản lý, theo dõi và triển khai thực hiện các dự án của trong và ngoài Tổng Công ty.

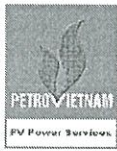
4.5.6. Phòng Thương mại & Xuất nhập khẩu:

Phòng Thương mại – Xuất nhập khẩu là bộ phận tham mưu giúp việc cho Giám đốc về các công tác sau:

- Phát triển hoạt động kinh doanh và mở rộng thị trường dịch vụ của Công ty và trực tiếp tổ chức kinh doanh trên thị trường để thực hiện kế hoạch kinh doanh của Công ty: phát triển hoạt động cung cấp dịch vụ kỹ thuật, vận hành, sửa chữa các nhà máy điện, đào tạo nguồn nhân lực quản lý vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng, ... phục vụ sản xuất kinh doanh của các khách hàng trong và ngoài ngành dầu khí, trong nước và nước ngoài;
- Tìm kiếm cơ hội đầu tư, nghiên cứu các phương án đầu tư, đánh giá hoạt động đầu tư của Công ty theo quy định của nhà nước, tập đoàn, tổng công ty;
- Thực hiện, quản lý công tác đấu thầu, mua sắm, các hoạt động xuất – nhập khẩu;
- Thực hiện các hợp đồng kinh tế theo yêu cầu kinh doanh, ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, phối hợp với các đơn vị trong công ty mở rộng thị trường, thiết lập hệ thống khách hàng, hệ thống nhà phân phối;

4.6. Khối chi nhánh

4.6.1 Chi nhánh Công ty tại thành phố Hồ Chí Minh



CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

Chi nhánh Hồ Chí Minh đặt tại 151 đường Hoa Lan, phường 2, Q. Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Chi nhánh Hồ Chí Minh có chức năng thực hiện các nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh được Công ty phê duyệt, các nhiệm vụ về sửa chữa, bảo dưỡng và phát triển các dịch vụ liên quan, cụ thể như sau:

- Thiết lập bộ máy quản lý điều hành đảm bảo tuân thủ đúng Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty, thay mặt Công ty giải quyết các vấn đề phát sinh có liên quan tại khu vực phía Nam.
- Hỗ trợ các Chi Nhánh Cà Mau và Nhơn Trạch trong các hoạt động SXKD.
- Tổ chức thực hiện việc quản lý, điều hành các hoạt động của Công ty tại địa bàn đặt trụ sở Chi nhánh.
- Nghiên cứu, khảo sát, phân tích và đánh giá thị trường tại khu vực phía Nam từ đó tham mưu cho Công ty trong việc khai thác thị trường và tận dụng các nguồn lực sẵn có để phục vụ cho hoạt động SXKD của Công ty.
- Tự khai thác và tổ chức thực hiện công tác dịch vụ kỹ thuật theo đúng ngành nghề kinh doanh của Công ty trên cơ sở tuân thủ pháp luật và đảm bảo hiệu quả SXKD.

4.6.2 Chi nhánh Nhơn Trạch

- a. Chức năng: thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh được Công ty phê duyệt, các nhiệm vụ về sửa chữa, bảo dưỡng và phát triển các dịch vụ liên quan
- b. Nhiệm vụ:
 - Đảm bảo tuân thủ đúng Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty, thay mặt Công ty giải quyết các vấn đề phát sinh có liên quan;
 - Tổ chức thực hiện việc quản lý, điều hành các hoạt động của Công ty tại khu vực Đồng Nai theo kế hoạch được giao và sự chỉ đạo của Giám đốc Công ty;
 - Thay mặt Công ty làm việc với các đơn vị mà Công ty tham gia cung cấp dịch vụ; Chính quyền địa phương và các đơn vị khác về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Chi nhánh theo phạm vi được ủy quyền, thường xuyên tiếp xúc, đặt mối quan hệ với các đơn vị khác để giới thiệu các dịch vụ của Công ty cung cấp;
 - Nghiên cứu, khảo sát, phân tích và đánh giá thị trường tại khu vực Đồng Nai và các vùng lân cận đồng thời giám gia xây dựng chính sách, kế hoạch phát triển thị trường và đề xuất những phương án điều chỉnh kịp thời phù hợp với điều kiện và tình hình cụ thể của từng thị trường;
 - Tổ chức thực hiện công tác bảo dưỡng, sửa chữa các nhà máy điện, theo dõi, phối hợp nhằm đảm bảo hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa tại các Cơ quan đơn vị mà Công ty cung cấp dịch vụ tại khu vực Đồng Nai và khu vực khác, tuyệt đối an toàn và hiệu quả,

theo dõi phối hợp bảo đảm hoàn tất mọi thủ tục liên quan đến việc bảo dưỡng, sửa chữa của Công ty (thủ tục hành chính, các thủ tục giấy tờ có liên quan,...)

- *Quản lý, điều hành các hoạt động vốn, tài sản, ngân sách phát sinh tại Chi nhánh trong phạm vi được ủy quyền của Công ty trên cơ sở tuân thủ theo Quy chế quản lý tài chính, Điều lệ của Công ty; tổ chức quản lý, sử dụng cơ sở vật chất trang thiết bị kỹ thuật có hiệu quả;*
- *Thực hiện các nhiệm vụ khác do Công ty giao.*

4.6.3 Chi nhánh Cà Mau:

- a. Chức năng: thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh được Công ty phê duyệt, các nhiệm vụ về sửa chữa, bảo dưỡng và phát triển các dịch vụ liên quan
- b. Nhiệm vụ:
 - *Đảm bảo tuân thủ đúng Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty, thay mặt Công ty giải quyết các vấn đề phát sinh có liên quan;*
 - *Tổ chức thực hiện việc quản lý, điều hành các hoạt động của Công ty tại khu vực Cà Mau theo kế hoạch được giao và sự chỉ đạo của Giám đốc Công ty;*
 - *Thay mặt Công ty làm việc với các đơn vị mà Công ty tham gia cung cấp dịch vụ; Chính quyền địa phương và các đơn vị khác về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Chi nhánh theo phạm vi được ủy quyền, thường xuyên tiếp xúc, đặt mối quan hệ với các đơn vị khác để giới thiệu các dịch vụ của Công ty cung cấp;*
 - *Nghiên cứu, khảo sát, phân tích và đánh giá thị trường tại khu vực Cà Mau và các vùng lân cận đồng thời giám gia xây dựng chính sách, kế hoạch phát triển thị trường và đề xuất những phương án điều chỉnh kịp thời phù hợp với điều kiện và tình hình cụ thể của từng thị trường;*
 - *Tổ chức thực hiện công tác bảo dưỡng, sửa chữa các nhà máy điện, theo dõi, phối hợp nhằm đảm bảo hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa tại các Cơ quan đơn vị mà Công ty cung cấp dịch vụ tại khu vực Cà Mau và khu vực khác, tuyệt đối an toàn và hiệu quả, theo dõi phối hợp bảo đảm hoàn tất mọi thủ tục liên quan đến việc bảo dưỡng, sửa chữa của Công ty (thủ tục hành chính, các thủ tục giấy tờ có liên quan,...)*
 - *Quản lý, điều hành các hoạt động vốn, tài sản, ngân sách phát sinh tại Chi nhánh trong phạm vi được ủy quyền của Công ty trên cơ sở tuân thủ theo Quy chế quản lý tài chính, Điều lệ của Công ty; tổ chức quản lý, sử dụng cơ sở vật chất trang thiết bị kỹ thuật có hiệu quả;*
 - *Thực hiện các nhiệm vụ khác do Công ty giao.*

4.6.4 Chi nhánh Đà Nẵng:



CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

- Tư vấn, giám sát, đào tạo; lắp đặt thí nghiệm hiệu chỉnh đưa vào vận hành các nhà máy điện, trạm biến áp, các dây chuyền công nghiệp và tự động hóa;
- Bảo dưỡng và thí nghiệm hiệu chỉnh định kỳ các nhà máy điện, trạm biến áp và các dây chuyền công nghệ công nghiệp và tự động hóa liên quan trong và ngoài ngành Điện.

5. Định hướng phát triển

5.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Xây dựng PVPS trở thành thương hiệu mạnh trong lĩnh vực bảo trì, bảo dưỡng và sửa chữa các Nhà máy điện nói riêng và nhà máy thuộc lĩnh vực công nghiệp nặng nói chung, từng bước trở thành một đơn vị cung cấp dịch vụ kỹ thuật chuyên nghiệp trong khu vực. Đến 2025 phấn đấu đảm nhận đến (i) 90% dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành các nhà máy điện, chỉ thuê một vài chuyên gia OEM giám sát lắp đặt cho khối thiết bị phụ trong các nhà máy điện khí của PVPower (Không bao gồm hệ thống Tua bin khí, Tua bin hơi, Máy phát); (ii) 50% dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng khối thiết bị chính Tua bin khí, Tua bin hơi, Máy phát của nhà máy điện khí của PVPower trong phạm vi công việc của nhà thầu OEM; (iii) 80% dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành các nhà máy điện, chỉ thuê một vài chuyên gia OEM giám sát lắp đặt cho khối thiết bị chính của nhà máy điện than. Tiến tới tham gia dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa các nhà máy nhiệt điện khí, nhiệt điện than, thủy điện, và phong điện trong nước và nước ngoài.
- Phát triển mở rộng sản xuất, xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật phù hợp để từng bước nâng cao tính chủ động trong công tác sửa chữa, gia tăng tỷ lệ nội địa hóa, đảm bảo phục vụ sản xuất kinh doanh và nâng cao chất lượng dịch vụ, xây dựng thương hiệu của Công ty lớn mạnh không chỉ trong nước mà trong khu vực Châu Á Thái Bình Dương.
- Không ngừng nâng cao đội ngũ nhân viên của PVPS dồi dào về chất lượng cũng như số lượng. Đào tạo những kỹ sư nắm bắt công nghệ chuyên ngành và chuyên sâu phục vụ cho công tác bảo trì bảo dưỡng. Nâng cao chất lượng dịch vụ kỹ thuật mà PVPS cung cấp.
- Từng bước phát triển, mở rộng phạm vi quy mô dịch vụ, ngoài lĩnh vực bảo trì sửa chữa các thiết bị công nghiệp cần phát triển những mảng dịch vụ phụ trợ như: hợp tác đào tạo, cho thuê nguồn lực, kinh doanh xuất nhập khẩu thiết bị... nhằm phát triển theo hướng đa ngành nghề.
- Liên doanh liên kết với các công ty, trung tâm, tập đoàn trong và ngoài nước nhằm tận dụng khai thác và hợp tác cùng phát huy các thế mạnh của nhau để cùng phát triển.

- Hướng tới chuyển giao công nghệ từ các nhà chế tạo gốc và thay thế dần chuyên gia nước ngoài trong các kỳ sửa chữa lớn.

5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Giai đoạn đến năm 2015:
 - + PVPS tiếp tục thực hiện công tác sửa chữa cho các Nhà máy điện của PVN/PVP.
 - + Tiếp tục đàm phán với NSX Siemens để cắt giảm phạm vi công việc của OEM và gia tăng phạm vi công việc của PVPS trong Hợp đồng bảo trì dài hạn NMD Cà Mau 1&2.
- Giai đoạn từ 2015 đến 2020:
 - + PVPS sẽ tiếp tục tập trung vào các mục tiêu chính là tối ưu hóa nhân lực, vật tư, tăng cường tỷ lệ nội địa hóa để thực hiện tốt nhất công tác bảo dưỡng, sửa chữa cho các Nhà máy điện trong ngành và mở rộng thị trường ra các đơn vị ngoài ngành.
 - + Phát triển dịch vụ thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị điện ra các nhà máy điện ngoài ngành.
 - + Xây dựng trung tâm sửa chữa, phục hồi các thiết bị lớn và có độ phức tạp cao.
 - + Phát triển công tác đào tạo nhân lực sửa chữa cho các nhà máy điện than và khí.
- Các chỉ tiêu chính của PVPS trong giai đoạn 2011 - 2015 như sau:

(Biểu 1)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chiến lược phát triển SXKD 2011 - 2015						Tăng trưởng bình quân (%)
			Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Tổng cộng	
1	Vốn chủ sở hữu	tỷ đ.	180.1	184.6	188.1	191.6	195.2		
	Trong đó: Vốn điều lệ	tỷ đ.	150.0	150.0	150.0	150.0	150.0		
2	Tổng doanh thu	tỷ đ.	964.1	1,985.0	1,044.8	1,492.6	1,616.0	7,102.5	147%
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	tỷ đ.	31.5	36.5	30.7	31.6	31.8	162.1	103%
4	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đ.	23.6	27.4	23.0	23.7	23.9	121.6	
	Tỷ suất LNST/Vốn ĐL	%	15.75%	18.25%	15.35%	15.80%	15.90%		
	Lãi ròng	tỷ đ.	16.9	20.5	17.3	17.8	17.9	90.4	107%
	Thu nhập trên 1 cổ phần	d/cp	1,400.0	1,400.0	1,151.3	1,185.0	1,192.5		
5	Phải nộp NSNN	tỷ đ.	329.5	310.1	124.8	233.2	252.4	1,250.0	

Ghi chú: Chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh giai đoạn 2011 – 2015 đã được điều chỉnh theo tình hình thực tế của đơn vị, trong đó, các năm 2011 và 2012 đã được ghi nhận theo số liệu thực tế, phản ánh tại các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán



CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

6. Rủi ro:

- Bối cảnh nền kinh tế thế giới nói chung và trong nước nói riêng vẫn chưa thoát ra khỏi khủng hoảng ít nhiều cũng sẽ tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của PVPS;
- Khối lượng, giá trị vật tư, thiết bị nhập khẩu nước ngoài chiếm tỷ lệ rất cao trong giá thành dịch vụ, do đó PVPS luôn có nhu cầu giao dịch bằng ngoại tệ. Vì vậy, chính sách quản lý tiền tệ, ngoại hối của Nhà nước sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của đơn vị;
- Khả năng cung ứng nguồn nhân lực có trình độ cao trong nước còn chậm so với sự phát triển của khoa học, công nghệ đòi hỏi PVPS phải tận dụng nguồn nhân lực sẵn có, dẫn đến việc gia tăng chi phí tái đào tạo và đào tạo nâng cao.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

(Biểu 2)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả hoạt động		
			Năm 2012	Năm 2013	% tăng/giảm
I	Doanh thu thuần		1,972.80	1,060.61	53.76%
1	Do Nhà thầu OEM thực hiện	tỷ đ	1,802.05	915.65	50.81%
2	Do PVPS tự thực hiện	tỷ đ	170.75	144.96	84.89%
II	Chi phí sản xuất		1,948.48	1,036.26	53.18%
1	Giá vốn hàng bán		1,916.00	999.28	52.15%
2	Chi phí quản lý DN	tỷ đ	32.15	36.66	114.01%
3	Chi phí bán hàng	tỷ đ	0.33	0.26	78.79%
4	Chi phí khác	tỷ đ		0.06	
III	Lợi nhuận				
1	Lợi nhuận gộp	tỷ đ	56.80	61.33	107.96%
2	Lợi nhuận trước thuế TNDN	tỷ đ	36.48	31.12	85.31%
3	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đ	27.38	23.30	85.08%
4	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đ	1,825.40	1,553.00	85.08%

Ghi chú: Chỉ tiêu Tỷ trọng doanh thu do PVPS tự thực hiện/Doanh thu thuần phản ánh tỷ lệ nội địa hóa công tác dịch vụ kỹ thuật qua từng năm của PVPS

- Qua số liệu tại Biểu 2 cho thấy, Doanh thu tự thực hiện trong năm 2013 giảm hơn 15% so với 2012, dẫn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh giảm hơn 15% so với năm trước. Nguyên nhân chủ yếu do năm 2012, PVPS không thực hiện các hoạt động sửa chữa định kỳ như trung tu, đại tu các nhà máy điện, hoạt động chủ yếu là các hoạt động sửa chữa thường xuyên theo kế hoạch thực hiện hàng năm;



CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

2. Tổ chức nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành PVPS

TT	Họ và tên	Chức vụ
I	Hội đồng quản trị	
1	Bà Cao Thị Liên	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Phan Đại Thành	Ủy viên HĐQT – Giám đốc
3	Ông Lê Ngọc Sơn	Ủy viên HĐQT
4	Ông Edwin Harald Burchardt	Ủy viên HĐQT (đã mất)
5	Ông Nguyễn Minh Tuấn	Ủy viên HĐQT
II	Ban Giám đốc	
1	Ông Phan Đại Thành	Giám đốc
2	Ông Bùi Duy Nhị	Phó Giám đốc
3	Ông Võ Khánh	Phó Giám đốc
4	Ông Mã Ngọc Kỳ	Phó Giám đốc
5	Ông Vũ Quang Dũng	Phó Giám đốc
III	Kế toán trưởng	
1	Bà Tô Ngọc Tuyết	Kế toán trưởng

2.2. Tóm tắt lý lịch:

2.2.1. Bà Cao Thị Liên – Chủ tịch HĐQT

- Ngày sinh : 26/11/1962
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: 19 Lý Nam Đế - Hoàn Kiếm – Hà nội
- Số CMND : 010178290 do Công an Hà Nội cấp 24/02/2004
- Trình độ văn hoá : 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hệ thống điện
- Quá trình công tác:



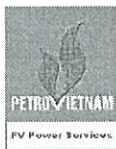
CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
3/1987 – 3/1998	Công ty Điện lực Hà nội – Tổng công ty Điện lực Việt nam	Chủ nhiệm đề án
3/1998 – 11/2004	Xuất Nhập khẩu – Công ty Điện lực Hà nội	Trưởng phòng Kinh tế đối ngoại
11/2004 – 12/2005	Công ty Điện lực Hà nội	Phó Giám đốc Trung tâm Viễn thông và CNTT
1/2006 – 8/2007	Công ty Điện lực Hà nội	Trưởng phòng Viễn thông và CNTT
9/2007 – 1/2008	Ban Kinh tế Kế hoạch Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Trưởng phòng Kế hoạch – Hợp đồng
1/2008 – 5/2009	Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Trưởng Ban Kế hoạch
5/2009 đến nay	Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân : 0 Cổ phần
 - + Sở hữu đại diện : 2.250.000 Đại diện phần vốn của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam
 - + Những người có liên quan : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

2.2.2. Ông Phan Đại Thành – Ủy viên HĐQT, Giám đốc

- Ngày sinh : 1/6/1970
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hà Nội



CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

- Địa chỉ thường trú: Số 96 A Ngõ 325 Kim Ngưu Hà Nội
- Số CMND : 011608864 do Công an Hà Nội cấp 08/12/2009
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1993 – 1996	Công ty thép Việt Úc	Kỹ sư giám sát điện
1997 – 2003	Tổng công ty Cơ khí Xây dựng (COMA)	Phó phòng Kế hoạch Đầu tư
2003 – 2005	Công ty Xây lắp và Dịch vụ kỹ thuật – Tổng công ty Cơ khí Xây dựng	Giám đốc
2005 – 2007	Công ty CP Xây dựng và Lắp máy điện nước số 3 – Tổng công ty Cơ khí Xây dựng	Giám đốc
2007 đến nay	Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Giám đốc

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân : 5.000 Cổ phần
 - + Sở hữu đại diện : 1.800.000 Cổ phần đại diện vốn góp
của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam
 - + Những người có liên quan : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

2.2.3. Ông Lê Ngọc Sơn - Ủy viên Hội đồng quản trị

- Ngày sinh : 18/6/1971
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh



CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

- Quê quán : Đông Hưng – Thái Bình
- Địa chỉ thường trú: Số 20, ngách 76/6 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội.
- Số CMND : 011784024 do Công an Hà Nội cấp 06/1/2000
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1993-1998	Công ty vận tải và Thuê tàu	Chuyên viên
1998-2001	Công ty liên doanh Vận tải biển Việt Pháp	Chuyên viên
2001-2002	Công ty Sông Đà 12	Phó trưởng phòng thị trường
2003-2006	Công ty CP thép Việt Ý	Trưởng phòng kinh doanh, trưởng phòng Hợp tác quốc tế
2007	Công ty CP thép Việt Ý	Phó Tổng giám đốc
2008-7/2010	Công ty CP luyện thép Sông Đà	Phó Tổng giám đốc
/2010 – nay	Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Phó trưởng Ban Thương Mại

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Phó Trưởng Ban Thương mại Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam

- Hành vi vi phạm pháp luật : Không

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:

+ Sở hữu cá nhân : 0 Cổ phần

+ Sở hữu đại diện : 1.800.000 Cổ phần đại diện vốn góp của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt nam

+ Những người có liên quan : Không

H N V / 11



CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

2.2.4. Ông Nguyễn Minh Tuấn – Ủy viên HĐQT

- Ngày sinh : 28/10/1971
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Nam Định
- Địa chỉ thường trú: 36B, Tổ 2, Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
- Số CMND : 013328983 do Công an Hà nội cấp 27/7/2010
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện khí hóa
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1996 – 1998	Văn phòng đại diện Fujitsu	Nhân viên phòng kỹ thuật
1998 – 2002	Công ty TNHH Việt Á	Trưởng phòng Dự án
2002 – 2007	Ban năng lượng – truyền tải và phân phối điện Văn phòng đại diện SIEMENS AG tại Việt Nam	Phụ trách dự án, phụ trách bán hàng
2007 đến nay	Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí VN	Phó Tổng giám đốc

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân : 0 Cổ phần
 - + Sở hữu đại diện : 1.800.000 Cổ phần đại diện vốn góp của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt nam
 - + Những người có liên quan : 0 Cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không



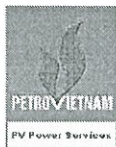
CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

2.2.5. Ông Edwin Harald Burchardt – Ủy viên HĐQT (đã mất)

- Ngày sinh : 17/4/1939
- Quốc tịch : Đức
- Địa chỉ thường trú: 8th Floor, Menara ING, 84 Jalan Raja Chulan, 50200 Kuala Lumpur, Malaysia
- Số CMND/Hộ chiếu : C4K5F632K do Đại sứ quán Đức tại Kuala Lumpur cấp ngày 21/6/2010.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư nhiệt nguyên tử
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1962 – 1987	Công ty SIEMENS AG và AEG	Nhân viên
1987 – 1990	SIEMENS Power Generation Group KWU.	Giám đốc lắp máy và vận hành
1990 – 1993	Quản lý Dự án chu trình hỗn hợp Killinghome và Rye House tại Vương quốc Anh	Quản lý dự án
1994 đến nay	YTL Power Services Sdn Bhd tại Malaysia, năm 2004, kiêm quản lý dịch vụ bảo trì nhà máy điện than Paiton II công suất 1.220 MW tại Indonesia	Giám đốc Kiêm nhiệm: Tổng giám đốc PT YTL Jawa Timur, Giám đốc cao cấp Ventures Sdn Bhd, Giám đốc Cty TNHH PowerSeraya, Giám đốc đại diện Phòng Thương Mại & Công nghiệp Malaysia – Đức
Thời gian	Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Ủy viên Hội đồng quản trị

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Kiêm nhiệm: Tổng giám đốc PT YTL Jawa Timur, Giám đốc cao cấp Ventures Sdn Bhd, Giám đốc Cty TNHH PowerSeraya, Giám đốc đại diện Phòng Thương Mại & Công nghiệp Malaysia – Đức



CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân : 0 Cổ phần
 - + Sở hữu đại diện : 2.700.000 Cổ phần đại diện vốn góp
vốn góp của YTL Sdn Bhd
 - + Những người có liên quan : 0 Cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

2.2.6. Ông Bùi Duy Nhị – Phó Giám đốc

- Ngày sinh : 28/9/1964
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: P 210, nhà A1, Thành Công, Ba Đình, Hà nội
- Số CMND : 012669156 do Công an Hà nội cấp 07/3/2008
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1988-1996	Công ty xăng dầu Nghệ Tĩnh	Phó trưởng phòng Tổ chức
1996-1999	Công ty Vận tải xăng dầu Nghệ Tĩnh	Trưởng phòng Tổ chức hành chính
1999-2001	Chi nhánh XNK Xăng dầu	Trưởng phòng Tổ chức hành chính
2001-2007	Công ty xăng dầu Khu vực 1	Phó trưởng phòng Tổ chức hành chính
2007-2011	Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Phó trưởng Ban tổ chức nhân sự



CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

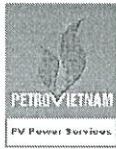
1/9/2011 – nay	Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Phó Giám đốc
----------------	---	--------------

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân : 0 Cổ phần
 - + người có liên quan : 0 Cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

2.2.7. Ông Võ Khánh – Phó Giám đốc

- Ngày sinh : 01/01/1964
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thôn Phú Mỹ, Đại Minh, Đại Lộc, Quảng Nam
- Địa chỉ thường trú: Số 162A, Nguyễn Tuân, Nhân chính, Thanh Xuân, Hà Nội.
- Số CMND : 200411631 do Công an Đà Nẵng cấp 24/4/2008
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kỹ thuật điện
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1988 - 2002	Trung tâm thí nghiệm điện – Điện lực 3.	Quản đốc phân xưởng Role – Tự động
2002 - 2007	Trung tâm thí nghiệm điện - Công ty CP Sông Đà 11.	Giám đốc trung tâm Thí nghiệm điện
2007 - 2011	Công ty Cổ phần kỹ thuật điện Sông Đà	Tổng Giám đốc
2011 – 2014	Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Phó Giám đốc Công ty



CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân : 0 Cổ phần
 - + người có liên quan : 0 Cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

2.2.8. Ông Mã Ngọc Kỳ – Phó Giám đốc

- Ngày sinh : 12/12/1972
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Bình Trị Thiên
- Địa chỉ thường trú: 5/99/16A, đường Nơ Trang Long, Phường 7, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
- Số CMND : 025337620 do Công an TP. HCM cấp 28/7/2010
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thiết kế máy
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1996 – 2002	phân xưởng sửa chữa - Điện Phú Mỹ	Kỹ sư
2002 – 2007	Phú Mỹ 3 BOT	Kỹ sư phòng Bảo trì
2008 đến nay	Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Phó Giám đốc

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân : 0 Cổ phần



CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

- + người có liên quan : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

2.2.9. Ông Vũ Quang Dũng – Phó Giám đốc

- Ngày sinh : 19/10/1977
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hà nội
- Địa chỉ thường trú : Số 7 ngõ 204 Thụy Khê, Hà nội
- Số CMND : 011917386 do Công an Tp. Hà nội cấp 16/2/2004
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2000-2008	Công ty Intergraph	Trưởng phòng dự án
2008-2010	GP Link JSC	Phó Giám đốc/Giám đốc
2010-9/2011	PV C&I	Tổng giám đốc
9/2011 đến nay	Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Phó Giám đốc

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
- + Sở hữu cá nhân : 0 Cổ phần
- + người có liên quan : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

2.2.10. Kế toán trưởng: Bà Tô Ngọc Tuyết – Kế toán trưởng

- Ngày sinh : 14/7/1975

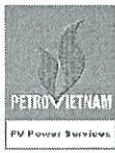


CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Ưông Bí – Quảng Ninh
- Địa chỉ thường trú: P. 818CT5 Đơn nguyên 2, Mỹ Đình 2, Từ Liêm, Hà Nội
- Số CMND : 012452260 do Công an Hà nội cấp 27/6/2001
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính Kế toán
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
4/1998 – 4/1999	Công ty KDVT & XL Sông Đà 15, Tổng công ty Sông Đà	Nhân viên TCKT
5/1999 – 6/2001	Xí nghiệp 15-1, Công ty KHVT&XL Sông Đà 15, Tổng công ty Sông Đà	Trưởng ban TCKT
7/2001 – 5/2002	Xí nghiệp Sông Đà 903, Công ty Sông Đà 9, Tổng công ty Sông Đà	Nhân viên Ban TCKT
6/2002 – 7/2003	Xí nghiệp Sông Đà 903, Công ty Sông Đà 9, Tổng công ty Sông Đà	Kế toán trưởng
8/2003 – 10/2005	Công ty CP Sông Đà 909, Tổng công ty Sông Đà	Kế toán trưởng
11/2005 – 5/2007	Kế toán trưởng Công ty CP Sông Đà 909, Tổng công ty Sông Đà	Kế toán trưởng
6/2007 – 11/2007	Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.	Phó Phòng Tài chính Ban TCKT,
11/2007 – 4/2009	Công ty CP Tư vấn Điện lực Dầu khí VN	Kế toán trưởng
4/2009 đến nay	Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí VN	Kế toán trưởng

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không



CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân : 2.000 Cổ phần
 - + người có liên quan : 0 Cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

2.3. Những thay đổi trong Ban điều hành:

3. Ông: Edwin Harald Burchardt – Ủy viên HĐQT đã mất

3.2. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

Trong thời gian qua, đội ngũ cán bộ cơ quan Công ty không ngừng lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng. Tính đến thời điểm 31/12/2013, tổng số cán bộ công nhân viên và người lao động là 317 người. Trong đó, số cán bộ là Phó trưởng phòng trở lên (hoặc tương đương) là 29 người. Trong tổng số 317 CBCNV và người lao động, có:

- | | |
|-----------------------|------------------------------|
| + Tiến sỹ: 0 người | + CNKT, lái xe: 61 người |
| + Thạc sỹ: 11 người | + Lao động PT: 01 người |
| + Đại học: 173 người | + Cán bộ nữ: 48 người |
| + Cao đẳng: 29 người | + Tuổi trung bình cán bộ: 34 |
| + Trung cấp: 51 người | |

Công ty thực hiện trên nguyên tắc phân phối theo năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc đảm bảo tuân thủ đúng quy định của Nhà nước, đồng thời khuyến khích CBCNV và người lao động phát huy tính chủ động, sáng tạo hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

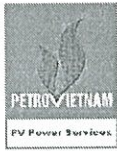
Đảm bảo cho 100% CBCNV được ký Hợp đồng lao động, trong đó:

- + Hợp đồng lao động không xác định thời hạn: 113 người, chiếm 35,6%
- + Hợp đồng lao động có thời hạn từ 1 đến 3 năm: 203 người, chiếm 64%
- + Hợp đồng thử việc: 07 người, chiếm 0,4%

Công tác tham gia BHXH, BHYT, BHTN và đặc biệt PVPS đã ký với PVI Hợp đồng “Bảo hiểm con người với trách nhiệm cao”, giải quyết tốt chế độ chính sách kịp thời cho người lao động; chăm lo đời sống cho CBCNV và người lao động nhân dịp các ngày lễ lớn của đất nước của ngành và công ty.

Công ty đã thực hiện đúng quy chế trả lương, thưởng cho người lao động, đảm bảo quyền lợi cho người lao động trên cơ sở đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh, bảo toàn và phát triển vốn của Công ty.

Thu nhập bình quân của CBCNV Công ty năm 2013 là: 17,6 triệu đồng/người/tháng.



CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

* Kế hoạch đào tạo phát triển nguồn nhân lực trong tương lai:

Qua 6 năm đi vào hoạt động, rút kinh nghiệm từ thực tế, PVPS đã đề ra đề án phát triển đến năm 2015 với mục tiêu cụ thể như sau:

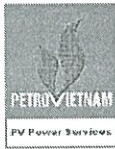
Đảm nhận toàn bộ nhân công sửa chữa cho các NMD của PVN để tối ưu hóa Nhân lực sửa chữa trên cơ sở tập trung thực hiện các hợp đồng bảo trì đã có và chuẩn bị lực lượng tiếp nhận thực hiện công tác bảo dưỡng sửa chữa cho các NMD than của PVN và PV Power như Vũng Áng, Thái bình, Long Phú....

Cụ thể:

- Thực hiện tốt công tác bảo trì bảo dưỡng đại tu, tiểu tu định kỳ và thường xuyên các nhà máy điện mà hiện nay Tập đoàn Dầu khí đang giao cho PVPS như: Cà Mau 1&2, Nhơn Trạch 1&2.
- Tham gia thực hiện các công trình bảo trì bảo dưỡng cho các nhà máy điện ngoài ngành, các nhà máy công nghiệp, các công trình biển. Qua việc tương tác này trình độ của lực lượng sửa chữa được nâng cao cũng như việc thể hiện được chất lượng dịch vụ của PVPS đã cung cấp. Đồng thời, xây dựng dần được thương hiệu PVPS trong lĩnh vực bảo trì và sửa chữa các thiết bị thuộc nhiều lĩnh vực trong ngành Công nghiệp nặng vươn ra tầm khu vực và quốc tế.
- Cung cấp nguồn nhân lực cho các nhà thầu trong và ngoài nước Siemens, Alstoms... trong các đợt đại tu và thanh tra C các nhà máy điện. Đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao của PVPS.
- Tận dụng khai thác những lợi thế mà PVPS hiện nay đang có đó là lực lượng sửa chữa có tay nghề cao và kinh nghiệm trong lĩnh vực sửa chữa nhà máy điện cần phát huy việc tổ chức hợp tác đào tạo “hướng dẫn thực tập” cho các nhà máy điện mới, trung tâm đào tạo...
- Để thực hiện tốt công tác sửa chữa thường xuyên hay định kỳ cần phải có nguồn vật tư dự phòng sẵn sàng, nhà cung cấp vật tư tin cậy. Do vậy cần thiết phải xây dựng và lập mạng lưới cung cấp vật tư từ những nhà sản xuất, nhà cấp hàng tiềm năng để chủ động trong việc mua sắm vật tư thiết bị phục vụ công tác bảo trì sửa chữa.
- Tăng cường liên doanh liên kết với các đối tác trong và ngoài nước, các nhà cung cấp chế tạo thiết bị để tham quan, học hỏi và phối hợp tổ chức các khóa đào tạo kỹ thuật chuyên ngành bảo trì sửa chữa và quản lý kỹ thuật đồng thời hợp tác đào tạo trên nhiều lĩnh vực khác nhau với các Tập đoàn, tổng công ty trong và ngoài nước như Siemen, Alstom, Tập đoàn than khoáng sản, EVN...

Trong đó, nhiệm vụ năm 2014 là:

- + Xây dựng hệ thống quản lý nhân sự thống nhất trong toàn công ty;
- + Hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn chức danh công việc của Công ty;



CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

- + Xây dựng và phát triển hệ thống đánh giá cán bộ thường xuyên hàng năm;
- + Lập quy hoạch đào tạo cán bộ cụ thể cho từng đơn vị, từng chuyên ngành phù hợp với chiến lược phát triển chung của Tổng công ty từ nay đến năm 2025 dựa trên tiêu chuẩn chức danh đã được đánh giá;
- + Thực hiện có hiệu quả cơ chế phân cấp trong công tác đào tạo tại các đơn vị thành viên;
- + Xây dựng chương trình đào tạo bắt buộc (quản lý - kỹ thuật - ngoại ngữ) cho cán bộ lãnh đạo đương chức, cán bộ nguồn trước khi bổ nhiệm, đặc biệt, cán bộ trước khi bổ nhiệm bắt buộc phải trình độ tiếng Anh theo yêu cầu tiêu chuẩn chức danh, xây dựng tiêu chuẩn tuyển dụng đối với từng vị trí công việc cần đến ngoại ngữ;
- + Đào tạo cán bộ quản lý, chuyên gia trong nước và nước ngoài để có thể đáp ứng được công tác luân chuyển cán bộ trong nội bộ Công ty. Cử cán bộ quản lý, chuyên viên có trình độ, năng lực, phẩm chất đạo đức tốt đi học tập tại các trung tâm đào tạo của nước ngoài;
- + Tổ chức các khóa học đào tạo chuyên sâu, chuyên gia theo kế hoạch, chiến lược của Công ty và kế hoạch của Tổng công ty cũng như của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- + Nâng cao chất lượng đào tạo đội ngũ CNKT, cán bộ kỹ thuật (trung cấp - cao đẳng) lành nghề, có kinh nghiệm nhằm đảm bảo công tác bảo dưỡng sửa chữa an toàn, chất lượng và tiến độ các Nhà máy điện. Tổ chức đào tạo và tái đào tạo lại đội ngũ CNKT tại các nhà máy điện nhằm bổ sung kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng làm việc và công nghệ mới trong dịch vụ sửa chữa các thiết bị điện;
- + Chuẩn bị nguồn nhân lực cao để sẵn sàng trong việc tiếp nhận công tác bảo dưỡng sửa chữa cho các nhà máy điện trong những năm tiếp theo của Tổng công ty và Tập đoàn dầu khí;
- + Tập trung đào tạo chuyên môn sâu cho các cán bộ, kỹ thuật viên và công nhân lành nghề: cơ khí, cơ nhiệt, điện, tự động.

4. *Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:*

- a. *Các khoản đầu tư lớn: không có*
- b. *Các Công ty con, Công ty liên kết:*
 - Tên doanh nghiệp: Công ty cổ phần Công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa Dầu khí (PV Tech)
 - Tỷ lệ PVPS nắm giữ: 11,90% Vốn Điều lệ PV Tech
 - Địa chỉ: Tầng 10, tòa nhà Viện Dầu khí, số 173 phố Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
 - Giấy đăng ký KD số: 0103035042

C.T.C.P.
13



CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

- **Vốn Điều lệ: 42.352.900.000 đ.**
- **Ngành nghề kinh doanh:**
 - + Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
 - + Mua bán, cung cấp, xây dựng, cho thuê, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị, hỗ trợ vận hành trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa;
 - + Xuất nhập khẩu các mặt hàng thuộc lĩnh vực kinh doanh của Công ty;
 - + Thiết kế, phát triển, gia công, cung cấp, phân phối, bảo hành, bảo trì, triển khai các sản phẩm và dịch vụ phần mềm;
 - + Dịch vụ làm dữ liệu, cung cấp dịch vụ dữ liệu, tư vấn giải pháp, thiết kế xây dựng (không bao gồm thiết kế công trình), bảo trì hệ thống cơ sở dữ liệu;
 - + Nghiên cứu tư vấn, thiết kế (không bao gồm thiết kế công trình), sản xuất, đào tạo, lắp đặt các hệ thống thương mại, giao dịch điện tử và các dịch vụ thương mại điện tử;
 - + Cung cấp các nội dung, dịch vụ giá trị gia tăng và đại lý kinh doanh các dịch vụ giá trị gia tăng, công nghệ quảng cáo trực tuyến trên các hệ thống công nghệ thông tin và viễn thông;
 - + Sản xuất, chế tạo, lắp ráp các thiết bị thuộc các lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa;
 - + Nghiên cứu, tư vấn, thiết kế, thẩm tra tích hợp, đào tạo, cho thuê các trung tâm cơ sở dữ liệu, các trung tâm phục hồi dữ liệu sau thảm họa, cung cấp các dịch vụ của trung tâm cơ sở dữ liệu và dịch vụ phục hồi dữ liệu;
 - + Nghiên cứu, tư vấn, thẩm tra, tích hợp, đào tạo, chuyển giao công nghệ thuộc các lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa.
- **Tỷ lệ PVPS nắm giữ cổ phần tại PV Tech: 11,90% Vốn Điều lệ**
- **Tình hình tài chính:**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2012	Thực hiện 2013	% so với năm trước
Tổng giá trị tài sản	đ	83,132,106,622	72,509,849,470	87.22%
Doanh thu thuần	đ	42,528,471,340	66,242,928,140	155.76%
Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	đ	15,166,190,208	14,076,237,815	92.81%
Lợi nhuận trước thuế	đ	(5,974,853,470)	504,242,411	-8.44%
Lợi nhuận sau thuế	đ	(6,419,063,478)	504,242,411	-7.86%

- Nghị Quyết phiên họp thường kỳ quý 3/2012, Hội đồng quản trị PVPS đã nhất trí thông qua phương án rút vốn đầu tư tại PV Tech. Tính đến thời điểm hiện nay, chưa có nhà đầu tư đăng ký tiếp nhận vốn chuyển nhượng từ phần vốn đầu tư của PVPS;
- Trong năm 2013, PVPS cũng tiến hành trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính đối với khoản đầu tư tại PV Tech theo luật định

5. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài chính:

(Biểu 3)

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2012	Thực hiện 2013	% so với năm trước
Tổng giá trị tài sản	đ	2,293,415,715,280	1,952,046,217,180	85.12%
Doanh thu thuần	đ	1,972,804,216,436	1,060,606,155,480	53.76%
<i>Trong đó:</i> Tỷ lệ nội địa hóa/Doanh thu thuần	%	8.63%	14.37%	
Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	đ	36,288,672,311	31,180,839,049	85.92%
Lợi nhuận trước thuế	đ	36,475,796,698	31,116,010,892	85.31%
Lợi nhuận sau thuế	đ	27,381,847,523	23,295,963,864	85.08%
Tỷ lệ trả cổ tức/mệnh giá	%	14.00%		0.00%

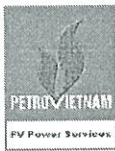
b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

(Biểu 4)

TT	Các chỉ tiêu	Đơn tính	Năm 2012	Năm 2013
1	Khả năng thanh toán			
	- Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1.06	1.07
2	Cơ cấu vốn			
	- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0.92	0.91
	- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	11.42	9.6
3	Năng lực hoạt động			
	- Vòng quay nợ phải thu	Vòng	7.36	4.04
	- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	0.86	0.54
4	Khả năng sinh lợi			
	- Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	1.39%	2.20%
	- Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	15.02%	12.63%
	- Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	1.07%	1.10%

6. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a. Cổ phần:



CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 15.000.000 cp
 - Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 10.366.200 cp
 - Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 4.633.800 cp
- b. Cơ cấu cổ đông:
- Cổ đông lớn: 2 cổ đông, nắm giữ 10.350.000 cổ phần tương đương 69% tổng số cổ phần
 - Cổ đông là tổ chức nhà nước: 1 cổ đông, nắm giữ 7.650.000 cổ phần, tương đương 51% tổng số cổ phần
 - Cổ đông là tổ chức nước ngoài: 1 cổ đông, nắm giữ 2.700.000 cổ phần, tương đương 18% tổng số cổ phần.
 - Các cổ đông khác nắm giữ 4.633.800 cổ phần, tương đương 31% tổng số cổ phần.
- c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không có
- d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có
- e. Các chứng khoán khác: không có

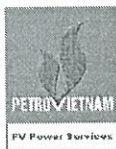
III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC:

1. Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh:

(Biểu 5)

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2013	Thực hiện 2013	% so với Kế hoạch
Doanh thu thuần	tỷ đ	1,036.22	1,060.61	102.35%
<i>Trong đó</i> : Tỷ lệ nội địa hóa/Doanh thu thuần	%	12.72%	14.36%	
Lợi nhuận trước thuế	tỷ đ	30.74	31.12	101.22%
Lợi nhuận sau thuế	tỷ đ	23.06	23.30	101.02%

- Tổng doanh thu cả năm 2013 tăng 2% so với kế hoạch do có sự chênh lệch tỷ giá khi lập kế hoạch và giá trị thực tế thực hiện phần công việc của Nhà thầu OEM, đây là doanh thu không phát sinh lợi nhuận nên không ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty;
- Tỷ lệ tự thực hiện trong nước tăng so với kế hoạch cũng là yếu tố chính làm tăng lợi nhuận thực tế thực hiện của đơn vị;
- Ngoài ra, PVPS thực hiện chính sách tiết kiệm, cắt giảm chi tiêu, đặc biệt là chi phí quản lý cũng góp phần làm gia tăng lợi nhuận cho Công ty.



CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

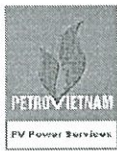
- Những tiến bộ công ty đã đạt được:
 - + Được Chủ đầu tư tin cậy, giao nhiệm vụ lập kế hoạch, phương án sửa chữa Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng, bước đầu tiếp cận thị trường miền Trung và đảm bảo chắc chắn khả năng mở rộng sản xuất kinh doanh cho các năm tiếp theo;
 - + Xây dựng và đào tạo được đội ngũ kỹ thuật viên lành nghề, chuyên nghiệp cung cấp và hỗ trợ nhân lực cho Nhà thầu OEM như Siemens, Alstoms, tạo điều kiện tiếp cận công nghệ tiên tiến, nâng cao khả năng tự thực hiện trong nước và gia tăng doanh thu, lợi nhuận;
 - + Chi nhánh Đà Nẵng đi vào hoạt động trong năm đầu tiên đã mang lại hiệu quả, đặc biệt đã thực hiện một số công việc tại nước bạn Lào, khẳng định chủ trương đúng đắn trong việc mở rộng ngành nghề kinh doanh từ lĩnh vực đo lường, thí nghiệm điện tạo tiền đề trong việc mở rộng thị trường của Công ty trong và ngoài nước;
 - + Hoàn thiện Quy chế quản lý tài chính, Quy chế giao khoán và các Quy trình phục vụ quản lý theo tiêu chuẩn ISO 9001-2008
 - + Xây dựng hệ thống chức danh công việc, phân công lại lao động, thu nhập theo đúng chức năng, nhiệm vụ hoàn thành, nâng cao hiệu quả quản lý lao động, tiền lương làm tiền đề xây dựng hệ thống định mức lao động trong đơn giá dịch vụ;
 - + Đảm bảo việc làm ổn định cho 317 lao động với mức thu nhập bình quân năm 2013 đạt 17,6 triệu đồng/người/tháng; thực hiện đóng đầy đủ BHXH, BHYT, BHTN cho CBCNV; các chế độ nâng lương, nâng bậc hàng năm, bình xét thi đua, khen thưởng... được Công ty thực hiện nghiêm túc, đảm bảo quyền lợi chế độ cho người lao động một cách kịp thời, chính xác, đúng đối tượng và quy định của Nhà nước. Tuy nhiên, chính sách thu hút nguồn nhân lực, thu hút nhân tài có trình độ, kinh nghiệm và năng lực quản lý còn có nhiều hạn chế và việc sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực chưa thực sự được chú trọng.

2. Tình hình tài chính:

- Tình hình sử dụng tài sản, công nợ (xem Biểu 4)
 - Giá trị ròng của Doanh nghiệp tại 31/12/2013 : 184.187.346.174 đ
 - Số lượng cổ phần hiện hữu : 15.000.000 cp
 - Giá trị ghi sổ của cổ phiếu tại 31/12/2013:

$$\text{Giá trị sổ sách của 1 cổ phiếu} = \frac{(\text{Giá trị ròng của doanh nghiệp})}{(\text{Tổng số cổ phần - cổ phiếu})}$$

$$\frac{184.187.346.174}{15.000.000} = 12.279 \text{ đồng/CP}$$



CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

- Tính đến thời điểm hiện tại, PVPS không phát sinh nợ xấu

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Thực hiện chuẩn hóa cán bộ, xây dựng hệ thống chức danh công việc đi đôi với chế độ báo cáo mức độ hoàn thành công việc, qua đó đánh giá hiệu quả và áp dụng chế độ đãi ngộ tương ứng;
- Kiện toàn công tác tổ chức cán bộ, đổi mới công tác quản lý, công tác điều hành cho phù hợp với mô hình doanh nghiệp. Phát triển cả về quy mô tổ chức lẫn các chỉ tiêu về kinh tế-xã hội;
- Tiếp tục được củng cố công tác tổ chức nhân sự, hoàn thiện chất lượng cán bộ từng bước nâng cao, công tác tuyển dụng, đào tạo, luân chuyển, điều động, bố trí và bổ nhiệm cán bộ đảm bảo đúng nguyên tắc, quy định về công tác cán bộ, đáp ứng được nhiệm vụ chính trị và sự phát triển của toàn Công ty;
- Xây dựng và ban hành các nội quy, quy chế nhằm đảm bảo trẻ hoá công tác cán bộ, coi công tác cán bộ là một trong những tiêu chí quan trọng nhất để xây dựng, phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty. Qua quá trình triển khai và kết quả thực hiện cho thấy, việc áp dụng các quy chế đã được thực hiện theo quy trình thống nhất, đảm bảo nguyên tắc tập trung, dân chủ và công khai;
- Xây dựng và hoàn thiện các quy trình phối hợp giữa các phòng chức năng, giữa Công ty với các đơn vị nâng cao hiệu quả xử lý công việc.
- Xây dựng hệ thống định mức kỹ thuật áp dụng công tác sửa chữa các nhà máy điện làm tiêu chuẩn cho việc lập dự toán, quản lý chi phí cũng như điều động nhân lực phục vụ sản xuất.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Thực hiện tốt công tác bảo trì bảo dưỡng định kỳ và thường xuyên các Nhà máy điện mà hiện nay Tập đoàn Dầu khí (PVN)/Tổng Công ty (PVP) đang giao cho PVPS như: Cà mau 1&2, Nhơn Trạch 1, Nhơn Trạch 2 và các Nhà máy nhiệt điện than Vũng Áng, Thái Bình và Long Phú.
- Tham gia thực hiện các công trình bảo dưỡng cho các Nhà máy điện ngoài ngành, các nhà máy công nghiệp, các công trình biển nhằm nâng cao trình độ của lực lượng sửa chữa và khẳng định chất lượng dịch vụ của PVPS cung cấp. Đồng thời, xây dựng thương hiệu PVPS trong lĩnh vực bảo trì và sửa chữa các thiết bị thuộc nhiều lĩnh vực trong ngành công nghiệp nặng.
- Cung cấp nguồn nhân lực cho các nhà thầu trong và ngoài nước, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao của PVPS.

- Tận dụng khai thác những lợi thế mà PVPS hiện nay đang có là lực lượng sửa chữa có tay nghề cao và kinh nghiệm trong lĩnh vực sửa chữa nhà máy điện để phát huy việc tổ chức đào tạo “hướng dẫn thực tập” cho các nhà máy điện mới, trung tâm đào tạo...
- Từng bước xây dựng kho vật tư chiến lược chung cho tất cả các Nhà máy điện nhằm tối ưu hóa vật tư, tiết kiệm chi phí cho PVP. Đặc biệt các vật tư chính có giá trị lớn như cánh tuabin khí của nhà sản xuất OEM. Xây dựng mạng lưới cung cấp vật tư từ những nhà sản xuất, nhà cấp hàng tiềm năng để chủ động trong việc mua sắm vật tư thiết bị phục vụ công tác bảo trì sửa chữa.
- Tăng cường liên doanh liên kết với các đối tác trong và ngoài nước, các nhà cung cấp chế tạo thiết bị để tham quan, học hỏi và phối hợp tổ chức các khóa đào tạo kỹ thuật chuyên ngành bảo trì sửa chữa và quản lý kỹ thuật đồng thời có kế hoạch hợp tác trên nhiều lĩnh vực.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:

1. Đánh giá chung:

- Mặc dù chỉ tiêu doanh thu không đạt so với kế hoạch được giao do các yếu tố khách quan tác động nhưng PVPS vẫn thực hiện đạt và vượt kế hoạch lợi nhuận, đảm bảo mức chi trả cổ tức cho cổ đông không thấp hơn năm trước;
- Các tiêu chí bảo toàn vốn, hiệu suất sử dụng vốn đều vượt so với năm 2012;

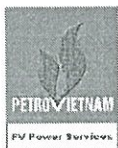
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

2.1. Về thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị:

- Hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, bám sát kế hoạch được giao, cụ thể:
 - + Doanh thu đạt: 102 % kế hoạch được giao
 - + Lợi nhuận đạt: 101 % kế hoạch được giao
 - + Hệ số bảo toàn vốn: >1
- Công tác đầu tư, mua sắm tuân thủ theo “Quy chế phân cấp quyết định đầu tư và quản lý đấu thầu” do Hội đồng quản trị ban hành;
- Thường xuyên báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ do Hội đồng quản trị giao.

2.2. Về công tác quản lý điều hành:

- Xây dựng chiến lược đào tạo nhân lực trong giai đoạn 2011 – 2015 và định hướng đến năm 2025;
- Xác định lộ trình nội địa hóa trong công tác sửa chữa, bảo dưỡng các nhà máy điện;
- Hoàn thiện và sửa đổi Quy chế quản lý tài chính phù hợp với tình hình thực tế;
- Hoàn thiện các quy trình phối hợp quản lý, mua sắm theo Hệ thống quản lý chất



CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

lượng ISO 9001-2008;

- Thực hiện tiêu chuẩn hóa cán bộ, sắp xếp nhân lực theo đúng chức danh, công việc, đánh giá hiệu quả công việc để áp dụng mức lương tương ứng;
- Phân công, phân cấp quản lý trong ban lãnh đạo theo từng lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Thực hiện kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ các hoạt động chi tiêu, quản lý sản xuất tại các Chi nhánh;
- Tuân thủ Điều lệ và các quy định hiện hành của pháp luật;

3. Các kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị:

- Chỉ đạo, giám sát thường xuyên công tác triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014. Đồng thời hỗ trợ và phối hợp cùng Ban Giám đốc công ty tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc để xử lý và quyết định những vấn đề phục vụ cho sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất;
- HĐQT tiếp tục chỉ đạo triển khai và đẩy nhanh tiến độ thực hiện tái cơ cấu tổ chức công ty phù hợp với chỉ đạo của PVP và PVN. Hội đồng quản trị tiếp tục cùng Ban giám đốc công ty nghiên cứu bổ sung để ngày càng hoàn thiện chiến lược phát triển trung hạn và dài hạn để từng bước định hướng cho công ty phù hợp với sự biến động khốc liệt của thị trường.
- Tiếp tục duy trì và đẩy mạnh mọi mặt hoạt động khác của HĐQT theo đúng quyền hạn và trách nhiệm của mình, kịp thời khắc phục những mặt yếu kém chưa làm được nhằm cùng với Ban giám đốc công ty phấn đấu đưa công ty ngày càng phát triển xứng đáng với mong muốn của Đại hội đồng cổ đông công ty.
- Tối đa hoá lợi ích cho Cổ đông, kết hợp với việc đảm bảo thu nhập và chăm sóc quyền lợi chính đáng cho người lao động.
- Tìm kiếm thị trường tiềm năng mới kết hợp với việc nâng cao chất lượng sản phẩm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao cho khách hàng.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1. Hội đồng quản trị:

a. Thành viên, cơ cấu hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Chức danh trong HĐQT	Tỷ lệ nắm giữ cp có quyền biểu quyết	Chức danh tại Công ty khác
1	Bà Cao thị Liên	Chủ tịch HĐQT	15%	Không



CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

2	Ông Phan Đại Thành	Giám đốc	12%	Không
3	Ông Edwin H. Burchardt	Thành viên không điều hành	18%	Giám đốc YTL Power Services Sdn. Bhd.
4	Ông Nguyễn Minh Tuấn	Thành viên không điều hành	12%	Trưởng ban Kỹ thuật PV Power
5	Ông Lê Ngọc Sơn	Thành viên không điều hành	12%	Trưởng ban Thương Mại PV Power

- Hiện tại PVPS chưa có thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Dự kiến sẽ được bầu bổ sung/thay thế tại Đại hội cổ đông thường niên 2013

b. Các tiểu ban Hội đồng quản trị: Không có

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

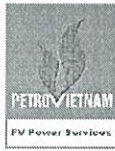
- Năm 2013, HĐQT đã tiến hành triệu tập 4 cuộc họp định kỳ vào các Quý nhằm đánh giá, nhận xét tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty trong từng Quý, đồng thời HĐQT luôn theo dõi, giám sát, định hướng và chỉ đạo đối với việc quản lý điều hành của Ban Giám đốc phù hợp với tình hình phát triển của Công ty trong từng thời kỳ.
- Định kỳ hàng tháng và bất thường, Chủ tịch HĐQT đã thay mặt HĐQT tham dự các cuộc họp với Ban Giám đốc, các Trưởng phòng chức năng của Công ty để nghe báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, tiến độ triển khai các dự án, đồng thời có những ý kiến chỉ đạo trực tiếp tại cuộc họp.
- Trong những trường hợp phát sinh các vấn đề cấp bách liên quan tới hoạt động kinh doanh thuộc thẩm quyền HĐQT/ĐHĐCĐ, Chủ tịch HĐQT lấy ý kiến các ủy viên/Cổ đông bằng văn bản để ban hành các Nghị quyết HĐQT kịp thời.

Nội dung và kết quả các cuộc họp như sau:

❖ Cuộc họp ngày 15/4/2013

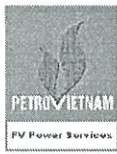
- Nội dung:
- + Kiểm điểm việc thực hiện các nội dung của Nghị quyết tại cuộc họp định kỳ quý IV/2012.
 - ✓ Báo cáo việc xây dựng văn phòng Cà Mau;
 - ✓ Báo cáo việc xây dựng tiêu chuẩn chức danh công việc;
 - ✓ Rà soát toàn bộ các quy trình, quy chế hiện tại của Công ty;
 - ✓ Phê duyệt Quy chế giao khoán sửa đổi.

// 4 MI.S



CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

- ✓ Hoàn thiện quy trình lập và quản lý kế hoạch
- ✓ Hoàn thiện quy trình mua sắm và quản lý vật tư
- ✓ Hoàn thiện quy chế tài chính
- + Báo cáo tình hình thanh quyết toán Thanh tra C Nhà máy điện Nhơn Trạch 1, các vướng mắc, tồn tại trong hồ sơ thanh toán;
- + Báo cáo tình hình đàm phán với PVP NT2 về những vấn đề sửa đổi hợp đồng 68/2011/PV Power NT2-PVPS;
- + Một số nội dung khác;
- **Kết quả: Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam nhất trí thông qua các nội dung sau:**
- + Báo cáo tình hình thanh quyết toán Thanh tra C Nhà máy điện Nhơn Trạch 1, các vướng mắc, tồn tại trong hồ sơ thanh toán;
- + Báo cáo tình hình đàm phán với PVP NT2 về những vấn đề sửa đổi hợp đồng 68/2011/PV Power NT2-PVPS;
- ❖ **Cuộc họp ngày 31/7/2013**
- Nội dung:
- + Kiểm điểm việc thực hiện các nội dung của Nghị quyết tại cuộc họp định kỳ quý I/2013 và công văn 82/CV/HĐQT-DVKT của HĐQT.
 - ✓ Báo cáo công tác triển khai xây dựng văn phòng CN Cà Mau
 - ✓ Phê duyệt quy trình quản lý hợp đồng
 - ✓ Phê duyệt quy trình mua sắm và quản lý vật tư
 - ✓ Phê duyệt quy trình quản lý công tác kế hoạch và chế độ báo cáo
 - ✓ Phê duyệt ban hành quy chế tài chính sửa đổi
- + Báo cáo kết quả SXKD 6 tháng đầu năm, kế hoạch 6 tháng cuối năm 2013;
- + Báo cáo công tác chuẩn bị Vũng Áng, dự kiến công việc thực hiện trong quý III/2013;
- + Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát Quý II/2013;
- + Phê duyệt kế hoạch đấu thầu và Hồ sơ yêu cầu chỉ định thầu gói thầu “Tư vấn hướng dẫn lập, thẩm tra đơn giá và định mức kinh tế kỹ thuật sửa chữa định kỳ cho NMD Cà Mau 1&2, Nhơn Trạch 1”
- + Xây dựng dự toán đối với phần việc của PVPS và nhà thầu Siemens cho công tác đại tu NMD Cà Mau 1 và trung tu NMD Nhơn Trạch 2 năm 2014;
- + Xây dựng kế hoạch mua sắm và sử dụng máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ của Công ty
- + Xây dựng định biên lao động trên cơ sở tiêu chuẩn chức danh công việc đã được phê duyệt
- Kết quả: HĐQT đã thông qua các nội dung sau:
- + Báo cáo công tác triển khai xây dựng văn phòng Chi nhánh Cà Mau.
- + Quy trình quản lý công tác kế hoạch và chế độ báo cáo.
- + Quy chế tài chính sửa đổi.
- + Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm, kế hoạch 6 tháng cuối năm 2013.
- + Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát quý II năm 2013.



CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

- + Phê duyệt kế hoạch đấu thầu và hồ sơ yêu cầu chỉ định thầu gói thầu “Tư vấn hướng dẫn lập, thẩm tra đơn giá và định mức kinh tế kỹ thuật sửa chữa định kỳ cho NMĐ Cà Mau 1&2, Nhơn Trạch 1”

❖ Cuộc họp ngày 05/11/2013

- Nội dung:
- + Kiểm điểm việc thực hiện NQ cuộc họp HĐQT Quý II/2013, cụ thể:
 - ✓ Xây dựng dự toán đối với phần việc của PVPS và nhà thầu Siemens cho công tác đại tu NMĐ Cà Mau 1 và trung tu NMĐ Nhơn Trạch 2 năm 2014;
 - ✓ Báo cáo tình hình hoàn thiện các công việc theo kiến nghị của Ban Kiểm soát quý I&II năm 2013;
 - ✓ Báo cáo đánh giá tình trạng công cụ dụng cụ và kế hoạch đề xuất trang bị cho Chi nhánh Cà Mau và chi nhánh Nhơn Trạch;
 - ✓ Báo cáo công tác tổ chức nhân sự, định biên lao động động 9 tháng đầu năm 2013;
 - ✓ Sửa đổi một số nội dung trong quy chế lương: đơn giá tiền lương, hệ số trợ cấp vùng cho CBCNV các chi nhánh;
- + Báo cáo kết quả SXKD 9 tháng đầu năm, kế hoạch quý IV năm 2013,
- + Báo cáo đánh giá khả năng thực hiện hợp đồng bảo trì sửa chữa định kỳ nhà máy phong điện Phú Quý.
- + Báo cáo của Ban kiểm soát quý III/2013.
- Kết quả: HĐQT đã thông qua các nội dung sau:
- + Báo cáo tình hình hoàn thiện các công việc theo kiến nghị của Ban Kiểm soát quý I&II năm 2013.
- + Báo cáo kết quả SXKD 9 tháng đầu năm, kế hoạch quý IV năm 2013.
- + Báo cáo khả năng thực hiện hợp đồng bảo trì sửa chữa định kỳ nhà máy phong điện Phú Quý.
- + Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát Quý III/2013.

Cuộc họp ngày 17/03/2014

- Nội dung:
- 1.1. Kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết cuộc họp HĐQT Quý III/2013, cụ thể:
 - Xây dựng dự toán đối với phần việc của PVPS và nhà thầu Siemens cho công tác đại tu NMĐ Cà Mau 1 và trung tu NMĐ Nhơn Trạch 2 năm 2014;



CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

- Kế hoạch mua sắm và sử dụng công cụ dụng cụ:
 - ✓ Xây dựng kế hoạch trang bị công cụ dụng cụ dự kiến tới năm 2015 trong đó nêu rõ lý do cần trang bị; đối với những công cụ dụng cụ có giá trị lớn đề nghị BĐH chỉ rõ tần suất sử dụng để từ đó đánh giá hiệu quả thuê/mua; chỉ rõ nguồn vốn đầu tư kế hoạch công cụ dụng cụ đề xuất trang bị;
 - ✓ Trong công tác quản lý công cụ, dụng cụ do Công ty thực hiện mua sắm và từ chủ đầu tư bàn giao: Đề nghị Ban Điều hành xây dựng rõ quy trình giao nhận, luân chuyển gắn liền trách nhiệm từng bộ phận, cá nhân trong từng bước;

1.2. Báo cáo kết quả SXKD năm 2013;

1.3. Xây dựng mô hình tổ chức và các công việc chuẩn bị sản xuất cần thiết cho việc tiếp nhận công tác bảo dưỡng, sửa chữa Nhà máy điện Vũng Áng 1;

- Kết quả: HĐQT đã thông qua các nội dung sau:

+ Xây dựng dự toán đối với phần việc của PVPS và nhà thầu Siemens cho công tác đại tu NMD Cà Mau 1 và trung tu NMD Nhơn Trạch 2 năm 2014;

+ Báo cáo kết quả SXKD năm 2013;

+ Xây dựng mô hình tổ chức và các công việc chuẩn bị sản xuất cần thiết cho việc tiếp nhận công tác bảo dưỡng, sửa chữa Nhà máy điện Vũng Áng 1;

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:

Tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 được tổ chức ngày 17/4/2013 tại trụ sở PVPS, đại hội đồng cổ đông đã tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành. Tuy nhiên, tại Đại hội, không có cổ đông nào tham gia ứng cử hoặc đề cử. Sau khi thống nhất ý kiến, Đại hội nhất trí phương án tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông kế tiếp, dự kiến trong năm 2014.

e. Hoạt động của các tiểu ban Hội đồng quản trị: Không có

f. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

- Ông Lê Ngọc Sơn: Thạc sĩ quản trị kinh doanh

2. Ban kiểm soát:

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức danh trong BKS	Tỷ lệ nắm giữ cp có quyền biểu quyết
1	Ông Lê Quốc Vinh	Trưởng BKS	0%

SG
HÀ
Y
DÀ
NA
TP



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

2	Ông Trần Thắng	Kiểm soát viên	0%
3	Ông Nguyễn Mạnh Hiếu	Kiểm soát viên	0%

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam báo cáo các hoạt động kiểm soát năm 2013 tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam với các nội dung sau:

- Tình hình thực hiện Kế hoạch đầu tư, sản xuất kinh doanh năm 2013. Đánh giá tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động, tình hình quản lý và sử dụng vốn của công ty.

- Tổ chức bộ máy, tổ chức nhân sự, công tác tuyển dụng và sử dụng lao động, công tác chi trả lương thưởng cho cán bộ công nhân viên.

- Việc tuân thủ điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định, các Quy chế của Tập đoàn, của Tổng Công ty, của Đại hội đồng Cổ đông và của Hội đồng quản trị Công ty.

- Nhận xét đánh giá việc quản lý điều hành của HĐQT và Ban Giám đốc trong việc thực hiện đầu tư, sản xuất kinh doanh năm 2013 của Công ty.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính năm 2013 thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty; Ban Kiểm soát căn cứ vào các quy định của Luật kế toán, Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hiện hành, Chính sách tài chính của Nhà nước và Quy chế tài chính của Công ty để thực hiện kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các kỹ thuật kiểm tra cần thiết, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo. Ban Kiểm soát cho rằng công việc thẩm định đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho các ý kiến nhận xét và kiến nghị đúng với chức năng nhiệm vụ của mình theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Những hoạt động đầu tư, kinh doanh của Công ty, BKS không trực tiếp tham gia điều hành, các hoạt động của BKS chỉ dựa trên cơ sở hồ sơ, chứng từ do Công ty cung cấp.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát :

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

a.1. Lương thành viên Hội đồng quản trị, thành viên BKS chuyên trách, Giám đốc, cán bộ quản lý:



CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

ST T	Họ và tên	Chức vụ	Hệ số lương		Đơn giá tiền lương		Hệ số phụ cấp kiêm nhiệm	Phụ cấp chức vụ	Ăn ca
			Cơ bản	Chức danh	Cơ bản	Chức danh			
1	B. Cao thị Liên	Chủ tịch HĐQT	6.97	26.00	1,050,000	900,000	0.1		680,000
2	Ô. Phan Đại Thành	Giám đốc	6.64	26.00	1,050,000	900,000	0.1		680,000
3	Ô. Lê Quốc Vinh	Trưởng BKS	5.98	19.00	1,050,000	900,000			680,000
4	Ô. Bùi Duy Nhị	P. Giám đốc	5.98	21.00	1,050,000	900,000			680,000
5	Ô. Võ Khánh	P. Giám đốc	5.98	19.00	1,050,000	900,000			680,000
6	Ô. Mã Ngọc Kỳ	P. Giám đốc	5.98	21.00	1,050,000	900,000			680,000
7	Ô. Vũ Quang Dũng	P. Giám đốc	5.98	21.00	1,050,000	900,000			680,000
8	B. Tô Ngọc Tuyết	KTT	5.65	19.00	1,050,000	900,000			680,000
9	Ô. Hoàng Hà	Trưởng p.TH	4.33	17.00	1,050,000	900,000		525,000	680,000
10	B. Đặng V. Thúy	Trưởng p. KTKH	3.27	17.00	1,050,000	900,000		525,000	680,000
11	Ô. Ninh B. Hưng	Trưởng p. Kthuat	3.58	17.00	1,050,000	900,000		525,000	680,000
12	Ô. Trần N. Thái	Phụ trách p. Dự án	4.20	13.00	1,050,000	900,000		420,000	680,000
13	Ô. Đinh Q. Hưng	Trưởng p. KD & PTTT	3.58	15.00	1,050,000	900,000		525,000	680,000

- Mức chi trả thực tế được đánh giá trên mức độ hoàn thành công việc theo từng bộ phận quản lý, theo đó:
 - + Hoàn thành nhiệm vụ mức A (tốt): hệ số 1,2
 - + Hoàn thành nhiệm vụ mức B (hoàn thành): hệ số 1,0
 - + Hoàn thành nhiệm vụ mức C (không hoàn thành): hệ số 0,8
- a.2. *Thù lao thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát:*

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao/ tháng
1	Ông Nguyễn Minh Tuấn	Thành viên HĐQT	3.000.000
2	Ông Lê Ngọc Sơn	Thành viên HĐQT	3.000.000
3	Ông Edwin H. Burchardt	Thành viên HĐQT	3.000.000
4	Ông Trần Thắng	Thành viên BKS	2.000.000
5	Ông Nguyễn Mạnh Hiếu	Thành viên BKS	2.000.000

- a. *Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có*
- b. *Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có*
- c. *Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Tuân thủ tuyệt đối Quy chế quản trị Công ty*

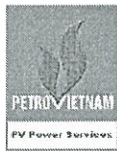
IV. Báo cáo tài chính:

1. Ý kiến kiểm toán:



CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

- Đơn vị kiểm toán độc lập: **CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**
- Ý kiến kiểm toán độc lập:



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

Deloitte

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Tầng 12A, Tòa nhà Vinaconex
34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Hà Nội, Việt Nam
Tel : +844 6288 3568
Fax: +844 6288 5678
www.deloitte.com/vn

Số: 765 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ Thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 14 tháng 3 năm 2014, từ trang 4 đến trang 22, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.



CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

Deloitte

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề lưu ý

Như trình bày tại Thuyết minh số 6 và Thuyết minh số 11 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, số dư khoản mục hàng tồn kho và công nợ phải trả của Công ty bao gồm khoảng 1.537 tỷ đồng liên quan đến giá trị vật tư, thiết bị nhập khẩu phục vụ công tác bảo dưỡng Nhà máy Điện Cà Mau 1 và Nhà máy Điện Cà Mau 2. Giá trị hàng tồn kho và công nợ phải trả nêu trên sẽ được quyết toán và điều chỉnh khi Công ty kết thúc hợp đồng với nhà cung cấp vật tư, thiết bị. Bên cạnh đó, như trình bày tại Thuyết minh số 16 và Thuyết minh số 17 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, ngoài phần dịch vụ tự thực hiện, Công ty cũng đang ghi nhận doanh thu cũng như giá vốn liên quan đến dịch vụ nhà thầu phụ OEM và hàng thực thanh - thực chi mà Công ty nhận từ các nhà máy điện sau đó chuyển trả các nhà thầu.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác với báo cáo kiểm toán đề ngày 08 tháng 3 năm 2013 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn



Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số
0036-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 14 tháng 3 năm 2014
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Đỗ Trung Kiên
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số
1924-2013-001-1

- Các nhận xét đặc biệt: Không có



CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MÃ SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		1.902.982.023.220	2.242.504.973.172
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	100.676.705.334	113.345.918.572
1. Tiền	111		15.647.538.634	12.345.918.572
2. Các khoản tương đương tiền	112		85.029.166.700	101.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		187.763.947.093	337.018.137.016
1. Phải thu khách hàng	131		168.056.106.755	329.296.901.342
2. Trả trước cho người bán	132		19.329.345.785	2.070.800.099
3. Các khoản phải thu khác	135		378.494.553	5.650.435.575
III. Hàng tồn kho	140	6	1.536.934.270.694	1.790.840.333.156
1. Hàng tồn kho	141		1.536.934.270.694	1.790.840.333.156
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		77.607.100.099	1.300.584.428
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5.591.501	34.585.328
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		76.259.301.793	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	7	1.342.206.805	1.265.999.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		49.064.193.960	50.910.742.108
I. Tài sản cố định	220		14.522.733.578	14.960.051.491
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	14.346.814.223	14.957.720.303
- Nguyên giá	222		26.280.449.526	24.267.029.041
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11.933.635.303)	(9.309.308.738)
2. Tài sản cố định vô hình	227		175.919.355	2.331.188
- Nguyên giá	228		348.117.750	153.117.750
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(172.198.395)	(150.786.562)
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		4.401.465.174	5.040.000.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258	9	5.040.000.000	5.040.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(638.534.826)	-
III. Tài sản dài hạn khác	260		30.139.995.208	30.910.690.617
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	29.934.635.208	30.876.690.617
2. Tài sản dài hạn khác	268		205.360.000	34.000.000
TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.952.046.217.180	2.293.415.715.280



CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
Tầng 7, tòa nhà LH3, Khu đô thị Mỹ Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

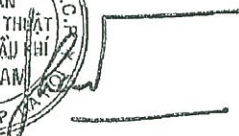
Mẫu số B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)	300		1.767.858.871.006	2.108.786.148.218
I. Nợ ngắn hạn	310		1.767.858.871.006	2.108.786.148.218
1. Phải trả người bán	312	11	1.642.703.529.745	1.982.980.022.194
2. Người mua trả tiền trước	313		105.351.303.003	48.856.096.465
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	3.779.445.234	54.105.807.637
4. Phải trả người lao động	315		7.914.136.938	12.150.911.952
5. Chi phí phải trả	316	13	5.697.599.365	900.405.887
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	14	1.535.140.185	9.095.847.835
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		877.716.536	697.056.248
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		184.187.346.174	184.629.567.062
I. Vốn chủ sở hữu	410		184.187.346.174	184.629.567.062
1. Vốn điều lệ	411	15	150.000.000.000	150.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417	15	7.411.761.952	4.673.577.200
3. Quỹ dự phòng tài chính	418	15	3.479.620.358	2.574.142.339
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	15	23.295.963.864	27.381.847.523
TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.952.046.217.180	2.293.415.715.280


Đinh Thủy Lâm
Người lập biểu

Ngày 14 tháng 3 năm 2014


Tô Ngọc Tuyết
Kế toán trưởng


Phan Đại Thành
Giám đốc





CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

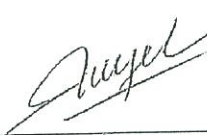
Mẫu số B 02-DN

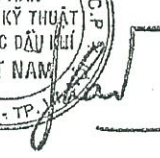
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2013	2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.060.606.155.480	1.972.804.216.436
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10	16	1.060.606.155.480	1.972.804.216.436
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	17	999.282.173.080	1.915.998.873.204
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		61.323.982.400	56.805.343.232
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	7.414.898.358	11.965.174.459
6. Chi phí tài chính	22		638.534.826	-
7. Chi phí bán hàng	24		260.742.288	330.177.826
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		36.658.764.595	32.151.667.554
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-(24+25))	30		31.180.839.049	36.288.672.311
10. Thu nhập khác	31	-	-	187.124.387
11. Chi phí khác	32		64.828.157	-
12. (Lỗ)/Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(64.828.157)	187.124.387
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		31.116.010.892	36.475.796.698
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	20	7.820.047.028	9.093.949.175
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		23.295.963.864	27.381.847.523
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	21	1.553	1.825


Đinh Thùy Lâm
Người lập biểu

Ngày 14 tháng 3 năm 2014


Tô Ngọc Tuyết
Kế toán trưởng


Phan Đại Thành
Giám đốc





CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu số B 03-DN
Đơn vị: VND

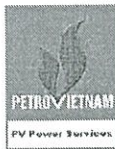
CHỈ TIÊU	Mã số	2013	2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	31.116.010.892	36.475.796.698
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	3.721.486.386	3.698.276.491
Các khoản dự phòng	03	638.534.826	(191.546.014)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(7.414.898.358)	(11.954.480.023)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	28.061.133.746	28.028.047.152
Thay đổi các khoản phải thu	09	73.782.241.217	32.071.363.445
Thay đổi hàng tồn kho	10	253.906.062.462	506.934.733.578
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(341.884.143.917)	(546.219.859.812)
Thay đổi chi phí trả trước	12	971.049.236	561.433.066
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(8.390.432.889)	(8.076.186.992)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	(2.440.730.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	6.445.909.855	10.858.799.937
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(1.855.753.800)	(5.534.615.180)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7.629.592.224	11.780.813.356
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	5.773.838.424	6.246.198.176
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36	(24.888.961.517)	(17.026.842.077)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(24.888.961.517)	(17.026.842.077)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(12.669.213.238)	78.156.036
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	113.345.918.572	113.267.762.536
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	100.676.705.334	113.345.918.572

Đinh Thủy Lâm
Người lập biểu

Ngày 14 tháng 3 năm 2014

Tô Ngọc Tuyết
Kế toán trưởng

Phan Đại Thành
Giám đốc



CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-ĐN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103021005 ngày 27 tháng 11 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Công ty đã nhận được Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 6 ngày 02 tháng 10 năm 2012.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty TNHH Một Thành Viên - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV Power).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 317 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 318).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là dịch vụ vận hành nhà máy điện; Dịch vụ kỹ thuật: bảo trì, bảo dưỡng, đại tu nhà máy điện bao gồm phần thiết bị nhà máy chính và các phần có liên quan; Kinh doanh vật tư máy móc; Kinh doanh vật tư thiết bị máy móc và hệ thống thiết bị dây chuyền đồng bộ phục vụ cho ngành điện, thông tin viễn thông và các ngành công nghiệp khác; Đào tạo cung cấp nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng sửa chữa và chuyển giao công nghệ các nhà máy điện và công nghiệp; lắp đặt hệ thống điện; Tư vấn thiết kế, biên dịch, biên soạn tài liệu và các giải pháp kỹ thuật nâng cao hiệu suất nhà máy điện, các giải pháp tiết kiệm năng lượng mới, năng lượng tái tạo và cả hệ thống thiết bị công nghiệp (Không bao gồm thiết kế công trình); Thi công trạm biến áp, đường dây truyền tải và hệ thống điện, hệ thống đo lường điều khiển tự động, hệ thống thông tin viễn thông và hệ thống cung cấp và xử lý nước cho công trình công nghiệp và dân dụng; Thi công lắp đặt các công trình công nghiệp; Đầu tư sản xuất thiết bị điện, phụ tùng vật tư cho ngành điện dầu khí và các ngành công nghiệp khác; Đại lý kinh doanh viễn thông; Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác; Kiểm tra và phân tích kỹ thuật.

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng sửa chữa cho các nhà máy điện.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.



CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC ("Thông tư 45") hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC ("Thông tư 203") ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC ("Thông tư 89") sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 89 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư dài hạn khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.



CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2013
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	6
Máy móc và thiết bị	5 - 7
Phương tiện vận tải	5 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 7

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị phần mềm kế toán và phần mềm quản lý (gọi chung là "phần mềm"), được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng và giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng có thời gian sử dụng ước tính trên 1 năm hoặc các khoản chi phí có thể đem lại lợi ích kinh tế cho Công ty trên 1 năm.

Tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê đã được trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.



CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền mặt	1.124.534.080	875.866.781
Tiền gửi ngân hàng	14.523.004.554	11.470.051.791
Các khoản tương đương tiền (i)	85.029.166.700	101.000.000.000
	100.676.705.334	113.345.918.572

- (i) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá ba tháng.

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Nguyên liệu, vật liệu (i)	209.285.688.979	104.234.712.969
Công cụ, dụng cụ	3.900.000	53.610.000
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (ii)	1.327.644.681.715	1.686.552.010.187
	1.536.934.270.694	1.790.840.333.156
Trừ: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	1.536.934.270.694	1.790.840.333.156

- (i) Giá trị nguyên liệu, vật liệu chủ yếu là vật tư, thiết bị nhập khẩu dự phòng phục vụ việc sửa chữa, đại tu các tổ hợp tuabin khí tại Nhà máy điện Cà Mau 1 và Nhà máy điện Cà Mau 2 (thuộc Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam) theo hợp đồng bảo trì dài hạn.



CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. HÀNG TỒN KHO (Tiếp theo)

- (ii) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang chủ yếu bao gồm các chi phí liên quan đến mua vật tư, thiết bị nhập khẩu và các chi phí phát sinh khác phục vụ việc duy tu, bảo dưỡng Nhà máy điện Cà Mau 1 và Nhà máy điện Cà Mau 2 theo Hợp đồng giữa Công ty với nhà thầu Siemens (Siemen Aktiengesellschaft và Công ty TNHH Siemen Việt Nam).

Số dư các khoản mục hàng tồn kho và công nợ phải trả tương ứng sẽ được quyết toán và điều chỉnh khi Công ty kết thúc hợp đồng với nhà cung cấp.

7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tạm ứng	1.280.600.535	453.076.116
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	61.606.270	812.922.984
	<u>1.342.206.805</u>	<u>1.265.999.100</u>

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2013	-	4.873.078.468	8.731.026.910	10.662.923.663	24.267.029.041
Mua sắm mới trong năm	131.000.000	3.312.194.949	776.290.909	119.297.273	4.338.783.131
Phân loại sang công cụ, dụng cụ theo Thông tư 45	-	(925.031.056)	-	(1.400.331.590)	(2.325.362.646)
Tại ngày 31/12/2013	<u>131.000.000</u>	<u>7.260.242.361</u>	<u>9.507.317.819</u>	<u>9.381.889.346</u>	<u>26.280.449.526</u>

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Tại ngày 01/01/2013	-	1.829.682.983	2.397.758.447	5.081.867.308	9.309.308.738
Trích khấu hao trong năm	8.311.586	1.097.041.882	991.386.353	1.603.334.732	3.700.074.553
Phân loại sang công cụ, dụng cụ theo Thông tư 45	-	(409.305.440)	-	(666.442.548)	(1.075.747.988)
Tại ngày 31/12/2013	<u>8.311.586</u>	<u>2.517.419.425</u>	<u>3.389.144.800</u>	<u>6.018.759.492</u>	<u>11.933.635.303</u>

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày 31/12/2013	<u>122.688.414</u>	<u>4.742.822.936</u>	<u>6.118.173.019</u>	<u>3.363.129.854</u>	<u>14.346.814.223</u>
Tại ngày 31/12/2012	<u>-</u>	<u>3.043.395.485</u>	<u>6.333.268.463</u>	<u>5.581.056.355</u>	<u>14.957.720.303</u>

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 2.511.226.537 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 2.104.298.647 VND).

9. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Khoản đầu tư dài hạn khác của Công ty là khoản góp vốn 5.040.000.000 VND vào Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí tương ứng 504.000 cổ phần, chiếm 11,9% vốn điều lệ của Công ty này.



CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Chi phí thuê văn phòng dài hạn (i)	27.886.752.778	28.554.638.211
Chi phí khác	2.047.882.430	2.322.052.406
	<u>29.934.635.208</u>	<u>30.876.690.617</u>

- (i) Khoản tiền thuê văn phòng theo Hợp đồng thuê với Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Việt Nguyên, thuê dài hạn toàn bộ tầng 7, Tòa nhà HH3 Sông Đà trong thời gian 49 năm kể từ ngày ký hợp đồng, tổng số tiền phải trả là 32.402.000.000 VND. Khoản tiền thuê văn phòng trả trước sẽ được phân bổ vào chi phí thuê nhà tương ứng với thời gian thuê.

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Siemens Aktiengesellschaft (i)	1.641.094.201.441	1.878.050.208.357
Công ty TNHH Alstom Việt Nam	-	37.535.328.678
Công ty TNHH Siemens Việt Nam	-	24.408.551.132
Khác	1.609.328.304	42.985.934.027
	<u>1.642.703.529.745</u>	<u>1.982.980.022.194</u>

- (i) Công ty ghi nhận công nợ phải trả với Siemens Aktiengesellschaft trên cơ sở các tờ khai hải quan nhập vật tư thiết bị phục vụ cho việc duy tu, bảo dưỡng Nhà máy Điện Cà Mau 1 và Nhà máy Điện Cà Mau 2 theo Hợp đồng số 0810/CM-LTMP/SIE-PVPS/006 ngày 03 tháng 10 năm 2008 với nhà thầu Siemens (Siemens Aktiengesellschaft và Công ty TNHH Siemens Việt Nam):

Số dư công nợ phải trả và khoản mục hàng tồn kho tương ứng sẽ được quyết toán và điều chỉnh khi Công ty kết thúc hợp đồng với nhà cung cấp.

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	206.480.335	50.186.493.593
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.174.960.026	3.745.345.887
Thuế thu nhập cá nhân	398.004.873	173.968.157
	<u>3.779.445.234</u>	<u>54.105.807.637</u>

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Chi phí tri ân khách hàng	1.043.254.900	-
Phí giám định	707.900.000	-
Chi phí bảo hộ lao động	514.276.500	-
Chi phí phải trả khác	3.432.167.965	900.405.887
	<u>5.697.599.365</u>	<u>900.405.887</u>



CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Cổ tức phải trả	316.177.267	4.205.138.784
Khác	1.218.962.918	4.890.709.051
	<u>1.535.140.185</u>	<u>9.095.847.835</u>

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2012	150.000.000.000	4.198.869.722	2.099.434.861	23.785.031.582
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	27.381.847.523
Phân phối lợi nhuận	-	474.707.478	474.707.478	(23.785.031.582)
Số dư tại ngày 01/01/2013	<u>150.000.000.000</u>	<u>4.673.577.200</u>	<u>2.574.142.339</u>	<u>27.381.847.523</u>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	23.295.963.864
Chia cổ tức năm 2012 (*)	-	-	-	(21.000.000.000)
Phân phối lợi nhuận (*)	-	2.738.184.752	905.478.019	(6.381.847.523)
Số dư tại ngày 31/12/2013	<u>150.000.000.000</u>	<u>7.411.761.952</u>	<u>3.479.620.358</u>	<u>23.295.963.864</u>

(*) Theo Nghị quyết số 63/2013/NQ/ĐHCB-DKVT ngày 25 tháng 4 năm 2013, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua phương án phân chia lợi nhuận năm 2012 như sau:

- Trích quỹ dự phòng tài chính:	905.478.019 VND;
- Trích quỹ đầu tư phát triển:	2.738.184.752 VND;
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi:	2.738.184.752 VND;
- Chia cổ tức:	21.000.000.000 VND.

Cổ phiếu

	31/12/2013	31/12/2012
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.000.000	15.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	15.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.



CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam.

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 6 ngày 02 tháng 10 năm 2012, vốn điều lệ của Công ty là 150.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp	
	VND	%	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	76.500.000.000	51	76.500.000.000	76.500.000.000
TYTL Power Service Sdn. Bhd.	27.000.000.000	18	27.000.000.000	27.000.000.000
Cổ đông khác	46.500.000.000	31	46.500.000.000	46.500.000.000
Tổng cộng	150.000.000.000	100	150.000.000.000	150.000.000.000

16. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2013 VND	2012 VND
Doanh thu nhà thầu phụ OEM (i)	915.653.671.247	1.802.055.058.937
Doanh thu hàng thực thanh thực chi (i)	12.726.741.046	52.453.978.844
Doanh thu Công ty tự thực hiện	132.225.743.187	118.295.178.655
	1.060.606.155.480	1.972.804.216.436

- (i) Đối với các dịch vụ và hàng hóa này, Công ty ghi nhận doanh thu/phải thu với các nhà máy điện liên quan đến dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng mà Công ty là nhà thầu phụ OEM.

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp thể hiện giá vốn của Công ty với các nhà thầu chính thực hiện dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng mà Công ty là nhà thầu phụ OEM và giá vốn tương ứng với doanh thu Công ty tự thực hiện.

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2013 VND	2012 VND
Lãi tiền gửi	7.414.898.358	11.702.480.023
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	252.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	10.694.436
	7.414.898.358	11.965.174.459



CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam.

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2013	2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	832.365.335.954	1.640.395.055.363
Chi phí nhân công	55.222.997.952	52.594.930.862
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.721.486.386	3.698.276.491
Chi phí dịch vụ mua ngoài	46.295.794.861	13.418.649.863
Chi phí bằng tiền khác	98.596.064.810	238.373.806.005
	1.036.201.679.963	1.948.480.718.584

20. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2013	2012
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	31.116.010.892	36.475.796.698
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	(252.000.000)
Cộng: Chi phí không được khấu trừ thuế	164.177.220	152.000.000
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	31.280.188.112	36.375.796.698
Thuế suất thông thường	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	7.820.047.028	9.093.941.775

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

21. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2013	2012
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	23.295.963.864	27.381.847.523
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	15.000.000	15.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.553	1.825



CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

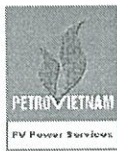
Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	100.676.705.334	113.345.918.572
Phải thu khách hàng và phải thu khác	168.434.601.308	334.947.336.917
Đầu tư dài hạn khác	4.401.465.174	5.040.000.000
Các khoản ký quỹ	266.966.270	846.922.984
Tổng cộng	273.779.738.086	454.180.178.473
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	1.643.019.707.012	1.987.185.160.978
Chi phí phải trả	5.697.599.365	900.405.887
Tổng cộng	1.648.717.306.377	1.988.085.566.865

10/10
C
C
V
L
L
E

10/10
C
C
V
L
L
E



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính (Tiếp theo)

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty đánh giá rủi ro tỷ giá có khả năng phát sinh là không trọng yếu.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ số dư phải thu các bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 23.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.



CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
31/12/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	100.676.705.334	-	100.676.705.334
Phải thu khách hàng và phải thu khác	168.434.601.308	-	168.434.601.308
Đầu tư dài hạn khác	-	4.401.465.174	4.401.465.174
Các khoản ký quỹ	61.606.270	205.360.000	266.966.270
Tổng cộng	269.172.912.912	4.606.825.174	273.779.738.086
31/12/2013			
Phải trả người bán và phải trả khác (*)	1.643.019.707.012	-	1.643.019.707.012
Chi phí phải trả	5.697.599.365	-	5.697.599.365
Tổng cộng	1.648.717.306.377	-	1.648.717.306.377
Chênh lệch thanh khoản thuần	(1.379.544.393.465)	4.606.825.174	(1.374.937.568.291)
	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
31/12/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	113.345.918.572	-	113.345.918.572
Phải thu khách hàng và phải thu khác	334.947.336.917	-	334.947.336.917
Đầu tư dài hạn khác	-	5.040.000.000	5.040.000.000
Các khoản ký quỹ	812.922.984	34.000.000	846.922.984
Tổng cộng	449.106.178.473	5.074.000.000	454.180.178.473
31/12/2012			
Phải trả người bán và phải trả khác (*)	1.987.185.160.978	-	1.987.185.160.978
Chi phí phải trả	900.405.887	-	900.405.887
Tổng cộng	1.988.085.566.865	-	1.988.085.566.865
Chênh lệch thanh khoản thuần	(1.538.979.388.392)	5.074.000.000	(1.533.905.388.392)

(*) Khoản phải trả người bán và phải trả khác liên quan đến giá trị vật tư, thiết bị nhập khẩu phục vụ công tác bảo dưỡng Nhà máy Điện Cà Mau 1 và Nhà máy Điện Cà Mau 2 sẽ được quyết toán và điều chỉnh khi Công ty kết thúc hợp đồng với nhà cung cấp.

Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn do khoản phải trả người bán và phải trả khác sẽ được quyết toán và điều chỉnh khi Công ty kết thúc hợp đồng với nhà cung cấp.



CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam.

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PVPower)	Chủ sở hữu
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau (trực thuộc PVPower)	Chủ sở hữu
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch (trực thuộc PVPower)	Chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	Cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Bắc Kạn	Cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	Cùng chủ sở hữu

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	2013 VND	2012 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	645.573.489.208	743.968.361.266
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	27.215.034.656	860.929.079.581
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	370.858.285.229	357.036.996.838
Trả cổ tức cho cổ đông		
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	10.710.000.000	10.710.000.000
Các cổ đông khác	14.178.961.517	10.290.000.000
Phí quản lý đã trả		
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	200.000.000	250.055.818
Thu nhập của Ban Giám đốc	3.840.719.068	4.274.941.310

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Phải thu khách hàng		
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	144.301.235.738	151.921.574.750
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	6.268.617.265	166.268.148.657
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	15.385.139.390	6.559.571.059
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Bắc Kạn	421.661.907	988.999.418
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	44.140.749	-
Phải trả khác		
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	-	877.985.778
Các cổ đông khác	316.177.267	4.205.138.784
Người mua trả tiền trước		
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	92.768.375.827	22.249.112.628
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	-	25.971.733.837
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	12.582.927.176	-



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác với báo cáo kiểm toán phát hành ngày 08 tháng 3 năm 2013 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Đinh Thùy Lâm
Người lập biểu

Tô Ngọc Tuyết
Kế toán trưởng



Phan Đại Thành
Giám đốc

Ngày 14 tháng 3 năm 2014

Ghi chú: Xem toàn văn Báo cáo tài chính tại website: www.pvps.vn

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Cao Thị Liên